

**BỘ Y TẾ**  
**VIỆN SÓT RÉT - KÝ SINH TRÙNG - CÔN TRÙNG TRUNG ƯƠNG**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NĂM 2021,  
TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG &  
LOẠI TRỪ SÓT RÉT NĂM 2022**

**Hà Nội, Tháng 2/2022**

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2022

## **PHẦN 1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỐT RÉT, HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG & LOẠI TRỪ SỐT RÉT NĂM 2021**

### **I. TÌNH HÌNH PHÒNG CHỐNG SỐT RÉT TRÊN THẾ GIỚI**

#### **1. Dịch vụ phòng chống sốt rét bị gián đoạn do dịch COVID-19**

- Tháng 4 năm 2020, giai đoạn đầu của đại dịch bệnh do coronavirus (Covid-19), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và các chuyên gia đã dự báo số trường hợp bệnh sốt rét có thể tăng gấp đôi, số tử vong có thể tăng cao do xảy ra gián đoạn dịch vụ phòng chống sốt rét.
- Hỗ trợ từ các đối tác toàn cầu, khu vực và quốc gia, các quốc gia đã có đáp ứng để thích ứng và thực hiện hướng dẫn của WHO để duy trì các dịch vụ sốt rét thiết yếu trong giai đoạn xảy ra đại dịch Covid-19.
- Hầu hết các quốc gia lưu hành bệnh sốt rét xảy ra gián đoạn ở mức độ vừa phải các dịch vụ sốt rét.
  - + Trong số 31 quốc gia đã lập kế hoạch cho các chiến dịch sử dụng màn tẩm hóa chất diệt côn trùng (ITN) vào năm 2020;
  - + Có 18 (58%) đã hoàn thành các chiến dịch tẩm màn; 72% (159 triệu) màn tẩm từ các chiến dịch theo kế hoạch đã được phân phối trong năm 2020.
  - + Có 13 trong số 31 quốc gia (42%) khoảng 63 triệu màn tẩm đã được lập kế hoạch phân phối trong năm 2020, nhưng chuyển sang năm 2021;
  - + Trong số 13 quốc gia, có 06 quốc gia (46%) đã phân phối dưới 50% màn tẩm trong năm 2020. Đến tháng 10 năm 2021, chỉ Kenya và Nam Sudan chưa hoàn thành việc phân phối màn tẩm.
- Biện pháp điều trị sốt rét dự phòng (SMC) được phân phối theo kế hoạch vào năm 2020 và bổ sung 11,8 triệu trẻ em được bảo vệ với điều trị sốt rét dự phòng vào năm 2020 so với năm 2019, chủ yếu là do điều trị mở rộng sang các khu vực mới ở Nigeria.
- Các chiến dịch phun tồn lưu trong nhà (IRS) ít có sự gián đoạn ở hầu hết các quốc gia có gánh nặng sốt rét vừa và cao năm 2020.

- Trong đại dịch Covid-19, có 122 triệu người ở 21 quốc gia lưu hành bệnh sốt rét cần cứu trợ khẩn cấp.

## **2. Tình hình mắc sốt rét trên Thế giới**

- Trong năm 2020, toàn cầu có khoảng 241 triệu trường hợp mắc bệnh sốt rét ở 85 quốc gia lưu hành bệnh sốt rét, tăng 6,17% (241 triệu/227 triệu) so với năm 2019. Sự gia tăng sốt rét ở các quốc gia trong Khu vực Châu Phi.
- Chiến lược kỹ thuật toàn cầu bệnh sốt rét 2016 - 2030 (GTS) năm 2015, ước tính có 224 triệu trường hợp bệnh sốt rét.
- Tỷ lệ các trường hợp bệnh sốt rét do *P. vivax* giảm từ 8% (18,5 triệu) năm 2000 xuống 2% (4,5 triệu người) vào năm 2020.
- Tỷ lệ trường hợp bệnh sốt rét trên 1000 dân số có nguy cơ mắc bệnh giảm từ 81 (năm 2000) xuống 59 (năm 2015) và 56 (năm 2019) và tăng lên 59 (năm 2020).
- Mức tăng vào năm 2020 do nguyên nhân từ sự gián đoạn các dịch vụ trong đại dịch COVID-19.
- Có 29 quốc gia chiếm 96% số trường hợp bệnh sốt rét trên toàn cầu và 06 quốc gia gồm: Nigeria (27%), Cộng hòa Dân chủ Congo (12%), Uganda (5%), Mozambique (4%), Angola (3,4%) và Burkina Faso (3,4%) - chiếm khoảng 55% tổng số trường hợp bệnh sốt rét trên toàn cầu.
- Khu vực Châu Phi, ước tính có khoảng 228 triệu trường hợp bệnh sốt rét vào năm 2020, chiếm khoảng 95% các trường hợp.
- Từ năm 2000 đến năm 2019, tỷ lệ trường hợp bệnh sốt rét trên 1000 dân số có nguy cơ ở Khu vực Châu Phi giảm từ 368 xuống 222, nhưng tăng lên 232 người vào năm 2020, chủ yếu là do gián đoạn dịch vụ trong đại dịch Covid-19.
- Khu vực Đông Nam Á chiếm khoảng 2% gánh nặng về các trường hợp bệnh sốt rét trên toàn cầu.
- Số trường hợp bệnh sốt rét giảm 78%, từ 23 triệu (năm 2000) xuống còn 5 triệu (năm 2020). Tỷ lệ mắc sốt rét ở khu vực này giảm 83%, từ 18 (năm 2000) trường hợp trên 1000 dân số nguy cơ vào xuống 3 trường hợp (năm 2020).
- Ấn Độ chiếm 83% số trường hợp bệnh sốt rét trong khu vực. Sri Lanka đã được chứng nhận không có bệnh sốt rét vào năm 2016 và không có báo cáo trường hợp bệnh sốt rét trong năm 2020.
- Các trường hợp bệnh sốt rét ở Khu vực Đông Địa Trung Hải giảm 38%, từ 7 triệu trường hợp năm 2000 xuống khoảng 4 triệu vào năm 2015. Từ năm 2016 đến năm 2020, các trường hợp đã tăng 33% lên 5,7 triệu.
- Trong giai đoạn 2000 - 2020, tỷ lệ mắc bệnh sốt rét ở Khu vực Đông Địa Trung Hải giảm từ 21 xuống 11 trường hợp trên 1000 dân số nguy cơ. Sudan

là nước có số trường hợp bệnh sốt rét cao nhất ở vùng này, chiếm khoảng 56% số trường hợp. Năm 2020, Iran không có trường hợp bệnh sốt rét nội địa trong 3 năm liên tục.

- Khu vực Tây Thái Bình Dương ước tính có khoảng 1,7 triệu trường hợp bệnh sốt rét vào năm 2020, giảm 39%: từ 3 triệu trường hợp bệnh sốt rét năm 2000. Trong cùng thời kỳ, tỷ lệ mắc bệnh sốt rét giảm từ 04 xuống 02 trường hợp trên 1000 dân số nguy cơ. Papua New Guinea chiếm gần 86% tổng số các trường hợp mắc bệnh ở khu vực này vào năm 2020. Trung Quốc được chứng nhận không có bệnh sốt rét vào năm 2021 và Malaysia không có trường hợp bệnh sốt rét trong 3 năm liên tiếp.
- Tại Khu vực Châu Mỹ, số trường hợp bệnh sốt rét giảm 58% (từ 1,5 triệu xuống 0,65 triệu) và tỷ lệ trường hợp bệnh sốt rét tăng 67% từ năm 2000 đến năm 2020. Sự gia tăng bệnh sốt rét ở Cộng hòa Bolivarian của Venezuela, trong đó có khoảng 35.500 trường hợp vào năm 2000 và hơn 467.000 trường hợp vào năm 2019. Năm 2020, các trường hợp giảm hơn 50% so với năm 2019, xuống còn 232.000, do các hạn chế về di chuyển trong đại dịch Covid-19 và sự thiếu hụt nhiên liệu đã ảnh hưởng đến ngành khai thác mỏ, nguyên nhân chính làm gia tăng bệnh sốt rét ở nước này. Những hạn chế này cũng có thể đã ảnh hưởng đến việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc, làm giảm các trường hợp được báo cáo từ các cơ sở y tế.
- Các quốc gia có mức tăng đáng kể trong khu vực vào năm 2020 so với năm 2019: Haiti, Honduras, Nicaragua, Panama và Bang Bolivia.
- Cộng hòa Bolivar gồm Venezuela, Brazil và Colombia chiếm hơn 77% tổng số các trường hợp trong khu vực này.
- Argentina, El Salvador và Paraguay đã được chứng nhận là không có bệnh sốt rét tương ứng năm 2018, 2019 và 2021.
- Belize đã báo cáo không có trường hợp bệnh sốt rét nội địa nào trong năm thứ 02 liên tiếp.
- Từ năm 2015, Khu vực Châu Âu đã không còn bệnh sốt rét.

### **3. Tử vong do sốt rét trên Thế giới**

- Khoảng 96% trường hợp tử vong sốt rét trên toàn cầu ở 29 quốc gia; Có 06 quốc gia: Nigeria (27%), Cộng hòa Dân chủ Congo (12%), Uganda (5%), Mozambique (4%), Angola (3%) và Burkina Faso (3%) chiếm hơn một nửa tổng số trường hợp tử vong sốt rét trên toàn cầu năm 2020.
- Tử vong sốt rét ở Khu vực Châu Phi giảm 36%, từ 840.000 trường hợp năm 2000 xuống 534.000 trường hợp (năm 2019), trước khi tăng lên 602.000 trường hợp vào năm 2020. Tỷ lệ tử vong sốt rét trên 100.000 dân số nguy cơ giảm 63% trong năm 2019 (56 trường hợp) so với năm 2000 (150 trường hợp), trước khi tăng lên 62 trường hợp vào năm 2020.

- Tại Khu vực Đông Nam Á, tử vong sốt rét giảm 75%, từ khoảng 35.000 trường hợp năm 2000 đến 9.000 trường hợp năm 2020.
- Tại Khu vực Đông Địa Trung Hải, tử vong sốt rét giảm 39%, từ khoảng 13.700 trường hợp vào năm 2000 lên 8.300 trường hợp vào năm 2015, và sau đó tăng 49% từ năm 2016 đến năm 2020, lên 12.300 trường hợp tử vong sốt rét trong năm 2020.
- Hầu hết sự gia tăng được quan sát thấy ở Sudan, hơn 80% các trường hợp là do *P. falciparum*, có liên quan đến tỷ lệ tử vong ở các trường hợp cao hơn so với các trường hợp do *P. vivax*.
- Ở Khu vực Đông Địa Trung Hải, tỷ lệ tử vong sốt rét trên 100.000 dân số nguy cơ giảm 50% năm 2000 (4 trường hợp) so với năm 2020 (2 trường hợp); Tại Khu vực Tây Thái Bình Dương, số trường hợp tử vong sốt rét giảm 47%, từ khoảng 6.100 trường hợp năm 2000 xuống 3.200 trường hợp năm 2020 và tỷ lệ tử vong sốt rét trên 100.000 dân số nguy cơ giảm 55% so với cùng kỳ, từ 0,9 (năm 2020) so với 4 (năm 2000); Tại Khu vực Châu Mỹ, số trường hợp tử vong sốt rét giảm 56% (từ 909 trường hợp (2000) xuống 409 trường hợp (2020) và tỷ lệ tử vong sốt rét giảm 66% (từ 0,8 - 0,3). Hầu hết các trường hợp tử vong sốt rét ở khu vực này là ở người lớn (77%).
- Các trường hợp bệnh sốt rét và tử vong sốt rét đã được ngăn chặn trên toàn cầu, ước tính có khoảng 1,7 tỷ trường hợp bệnh sốt rét và 10,6 triệu trường hợp bệnh tử vong sốt rét đã được ngăn chặn trong giai đoạn 2000 - 2020.
- Hầu hết các trường hợp mắc (82%) và tử vong (95%) được ngăn chặn là ở Khu vực Châu Phi, tiếp theo Khu vực Đông Nam Á (10% ca mắc và 2% tử vong).

## II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG SỐT RÉT TOÀN QUỐC NĂM 2021

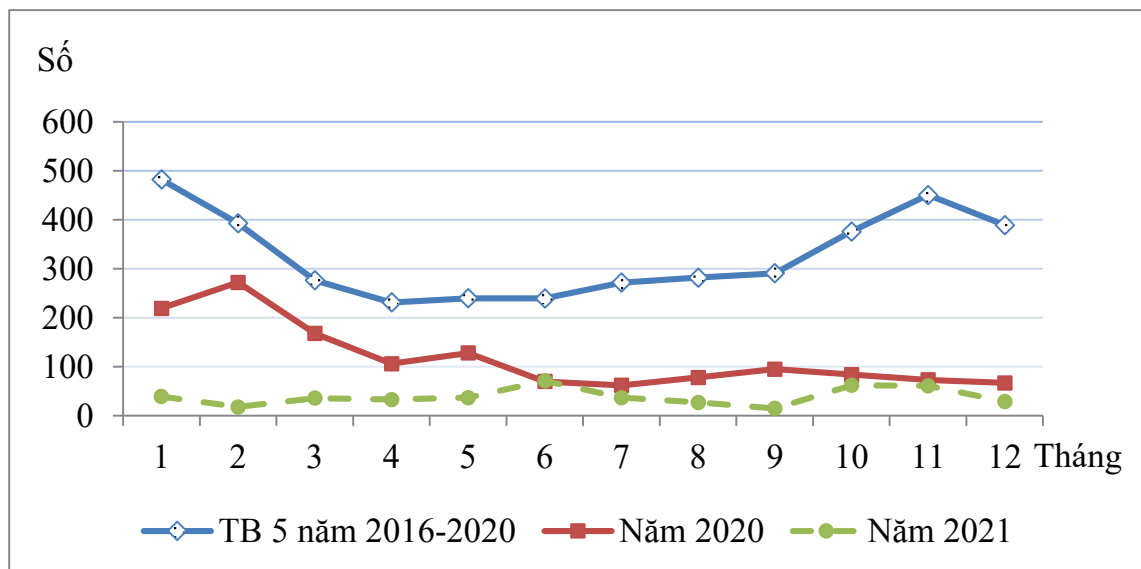
### 1. Tình hình sốt rét theo diễn biến thời gian

**Bảng 1. Tình hình sốt rét toàn quốc năm 2021 so với năm 2020**

TT	Các chỉ số	2021	2020	So sánh Tăng (+), giảm (-)
1	<b>Số chết do SR</b>	0	1	-100,00
	<i>Tỷ lệ chết/100.000 dân</i>	<i>0,0000</i>	<i>0,0010</i>	-100,00
2	<b>Số bệnh nhân SR</b>	467	1.733	-73,05
	<i>Tỷ lệ mắc/1.000 dân</i>	<i>0,0048</i>	<i>0,0179</i>	
3	<b>Số bệnh nhân sốt rét ác tính</b>	0	4	-100,00

TT	Các chỉ số	2021	2020	So sánh Tăng (+), giảm (-)
4	Số ký sinh trùng SR	467	1.422	-67,16
	<i>P. falciparum</i>	206 (44,11%)	818 (57,52%)	
	<i>P. vivax</i>	258 (55,25%)	588 (41,35%)	
	<i>P. malarie</i>	2 (0,43%)	3 (0,21%)	
	<i>P. ovale</i>	0	2 (0,14)	
	Phối hợp	1 (0,21%)	11 (0,77%)	
	Tỷ lệ KST/1.000 dân	0,00477	0,01468	
5	Dịch sốt rét	0	0	

- Năm 2021 tình hình sốt rét đã giảm mạnh so sánh cùng kỳ năm 2020: số lượng trường hợp bệnh nhân có ký sinh trùng sốt rét giảm trên 67%, giảm đồng thời cả *P. falciparum* và *P. vivax*.
- Số trường hợp bệnh ác tính đã giảm mạnh trong 2 năm gần đây, đặc biệt năm 2021 không có trường hợp sốt rét ác tính.
- Không có bệnh nhân tử vong do sốt rét và dịch sốt rét.



**Hình 1. Phân bố sốt rét toàn quốc theo tháng giai đoạn 2021 so với năm 2020 và trung bình các tháng 5 năm 2016-2020.**

- Diễn biến ký sinh trùng sốt rét năm 2021: số lượng bệnh nhân sốt rét ổn định, tăng và giảm không đáng kể hàng tháng. Số lượng các trường hợp từ 15

trường hợp - 71 trường hợp/tháng. Tháng 11 cập nhật có 65 trường hợp, đến tháng 12 năm 2021 có 29 trường hợp.

- Diễn biến ký sinh trùng sốt rét năm 2020: mắc cao nhất tháng 2/2020 (272 trường hợp), thấp nhất ở tháng 12 (67 trường hợp). Diễn biến số lượng ký sinh trùng sốt rét năm 2020 không có nhiều thay đổi và đạt được sự ổn định giảm, chỉ có 5 tháng đầu năm trên 100 trường hợp, sau đó ký sinh trùng sốt rét giảm mạnh. Các năm trước đây số mắc cao vào khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau, riêng năm 2020 số mắc giảm dần từ tháng 2 đến tháng 12.
- So với trung bình giai đoạn 2016-2020 và năm 2020: Số ký sinh trùng sốt rét các tháng năm 2020 thấp hơn rất nhiều so với năm 2019 và giai đoạn 5 năm gần đây. Số mắc cao nhất năm 2019 tháng 11 (588 trường hợp) và giai đoạn 2015-2019 tháng 1 (790 trường hợp). Diễn biến số mắc các tháng có sự thay đổi rõ rệt trong 2 năm gần đây, năm 2019 diễn biến phức tạp, năm 2020 số mắc giảm đáng kể. Sự thay đổi đỉnh mùa truyền bệnh có thể gây khó khăn cho công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.

## 2. Tình hình sốt rét theo địa điểm và khu vực

**Bảng 2. Trường hợp bệnh sốt rét năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 theo khu vực**

Khu vực	Năm 2021			Năm 2020			So sánh Tăng (+), giảm (-)		
	KST	AT	TV	KST	AT	TV	KST	AT	TV
Toàn quốc	467	0	0	1.422	4	1	-67,16	-100	-100
MN. Phía Bắc	105	0	0	65	0	0	61,54		
ĐBTD. Bắc Bộ	0	0	0	7	0	0	-100		
Khu IV	3	0	0	14	0	0	-78,57		
VB. Miền Trung	93	0	0	373	3	1	-75,07	-100	-100
Tây Nguyên	232	0	0	826	0	0	-71,91		
Đông Nam Bộ	34	0	0	136	0	0	-75		
ĐB. Cửu Long	0	0	0	1	1	0	-100	-100	

*Ghi chú:* - KST: Ký sinh trùng

- AT: Ác tính

- TV: Tử vong

- Trong năm 2021, số ký sinh trùng sốt rét tập trung ở 3 khu vực chính: Tây Nguyên (49,68%), Miền núi phía Bắc (22,48%), Miền Trung (19,91%).
- Khu vực miền núi phía Bắc có tỉnh Lai Châu với số trường hợp bệnh sốt rét chiếm trên 90% số ký sinh trùng sốt rét của khu vực. Khu vực Miền núi phía

Bắc có sự gia tăng ký sinh trùng sốt rét năm 2021 so với 2016, sự gia tăng trường hợp bệnh sốt rét từ 2018 đến nay tại khu vực và tỉnh Lai Châu.

- Khu vực Đồng bằng trung du Bắc Bộ và khu vực Đồng bằng Cửu Long không có trường hợp bệnh sốt rét được ghi nhận tại khu vực trong năm 2021.

**Bảng 3. Danh sách 10 tỉnh có số ký sinh trùng sốt rét cao nhất toàn quốc**

TT	Tên tỉnh	Năm 2021		Năm 2020		So sánh Tăng (+), giảm (-)	
		KST	<i>P. vivax</i>	KST	<i>P. vivax</i>	KST	<i>P. vivax</i>
1	Gia Lai	197	63	586	106	-66,38	-40,57
<b>2</b>	<b>Lai Châu</b>	<b>101</b>	<b>101</b>	<b>58</b>	<b>58</b>	<b>74,14</b>	<b>74,14</b>
3	Phú Yên	43	9	146	27	-70,55	-66,67
4	Bình Phước	33	30	126	103	-73,81	-70,87
5	Quảng Nam	16	15	47	47	-65,96	-68,09
6	Đắk Lắk	12	8	123	39	-90,24	-79,49
7	Bình Thuận	11	6	74	32	-85,14	-81,25
8	Đắk Nông	9	8	54	39	-83,33	-79,49
9	Lâm Đồng	9	3	44	27	-79,55	-88,89
10	Kon Tum	5	4	19	14	-73,68	-71,43

- Trong 10 tỉnh có số lượng ký sinh trùng sốt rét cao nhất năm 2021 có 02 tỉnh có trên 100 trường hợp là Gia Lai (197 trường hợp) và Lai Châu (101 trường hợp).
- Tỉnh Lai Châu là tỉnh duy nhất có số lượng trường hợp bệnh sốt rét tăng so với cùng kỳ 2020: tăng 74,14% (101/58).
- Ký sinh trùng sốt rét trong năm 2021 giảm mạnh ở hầu hết các tỉnh ngoại trừ tỉnh Lai Châu, giảm cả số lượng ký sinh trùng sốt rét chung và *P. vivax* khi so sánh cùng kỳ năm 2020.
- Ký sinh trùng sốt rét *P. vivax* lưu hành phân bố cao nhất tại các tỉnh trong năm 2021:
  - + Lai Châu có 101 trường hợp bệnh *P. vivax*, chiếm 100% số lượng ký sinh trùng sốt rét của tỉnh;
  - + Gia Lai có 63 trường hợp bệnh *P. vivax*, chiếm 31,98% số lượng ký sinh trùng sốt rét của tỉnh;
  - + Bình Phước có 30 trường hợp bệnh *P. vivax*, chiếm 90,90% số lượng ký sinh trùng sốt rét của tỉnh;



- + Quảng Nam có 15 trường hợp bệnh *P. vivax*, chiếm 93,75% số lượng ký sinh trùng sốt rét của tỉnh;

**Bảng 3. Danh sách 10 huyện có số ký sinh trùng sốt rét cao nhất toàn quốc năm 2021 (n=467)**

T T	Huyện	KST SR	P. f	P. v	KSTS R nội địa	Tỷ lệ (%) KSTNĐ	Tỷ lệ % so toàn quốc
1	Huyện Krông Pa	108	102	5	89	82,41	23,13
2	Huyện Mường Tè	101	0	101	96	100	21,63
3	Huyện Bù Gia Mập	25	1	24	23	92,00	5,35
4	Huyện Đồng Xuân	18	13	5	15	83,33	3,85
5	Huyện Nam Trà My	14	0	14	12	85,71	3,00
6	Huyện Sơn Hòa	11	9	2	4	36,36	2,36
7	Huyện Bắc Bình	10	5	5	7	70,00	2,14
8	Huyện Ia Pa	7	3	4	1	14,29	1,50
9	Huyện Tây Hòa	5	4	1	1	20,00	1,07
10	Huyện Tuy Đức	5	0	5	3	60,00	1,07

- Huyện Krông Pa có số mắc cao nhất trong năm 2021 với 108 trường hợp, tỷ lệ ký sinh trùng sốt rét nội địa chiếm tỷ trọng lớn với 82,41% và chiếm 23% ký sinh trùng sốt rét trên toàn quốc (108/467).
- Có 2 huyện có lưu hành *P. vivax* (100%) là Nam Trà My (Quảng Nam) với 14 trường hợp và Mường Tè có 101 trường hợp.
- Huyện Mường Tè có số lượng ký sinh trùng sốt rét cao thứ 2, với 101 trường hợp, 100% là *P. vivax*, 100% ký sinh trùng sốt rét lây truyền trong huyện và chiếm 21,63% ký sinh trùng sốt rét trong toàn quốc (101/467).

**Bảng 4. Danh sách 10 xã có số ký sinh trùng sốt rét cao nhất toàn quốc năm 2021 (n=467)**

Xã	Huyện	Tỉnh	KSTSR	P. f	P. v	Ổ bệnh
Hà Đông	Đắk Đoa	Gia Lai	50	0	50	7
Pa Ủ	Mường Tè	Lai Châu	35	0	35	9
Pa Vệ Sứ	Mường Tè	Lai Châu	32	0	32	8
Chư RCăm	Krông Pa	Gia Lai	25	25	0	8
Tá Bạ	Mường Tè	Lai Châu	22	0	22	5
Ia RSai	Krông Pa	Gia Lai	20	19	1	8

Ia Mláh	Krông Pa	Gia Lai	17	15	2	4
Đăk Pling	Kông Chro	Gia Lai	13	13	0	2
Bù Gia Mập	Bù Gia Mập	Bình Phước	11	0	11	6
KRong	Kbang	Gia Lai	10	10	0	9
<b>Cộng</b>			235	82	153	66
<b>Tỷ lệ (%)</b>			<b>50,32</b>	<b>39,23</b>	<b>60,24</b>	<b>42,31</b>

- Năm 2021, trong 10 xã có ký sinh trùng sốt rét cao nhất có 66 ổ bệnh chiếm 42,31% số ổ bệnh trên toàn quốc.
- Các tỉnh có xã cao nhất ở các tỉnh: Gia Lai, Lai Châu và Bình Phước.
- Toàn quốc có 132 xã có ghi nhận trường hợp bệnh sốt rét trong năm 2021;
- Trong đó có 10 xã có số mắc cao nhất, chiếm 50,32% (235/467) ký sinh trùng sốt rét toàn quốc. Ký sinh trùng sốt rét có sự gia tăng ở các xã: Tá Bạ, Pa Vệ Sủ (Lai Châu), xã Hà Đông (Gia Lai).
- Ký sinh trùng sốt rét trong năm 2021 tăng mạnh ở huyện Đăk Đoa, trong đó xã Hà Đông chiếm 100% số ký sinh trùng sốt rét của huyện (50/50 trường hợp) và 100% ký sinh trùng sốt rét là *P. vivax*. Ký sinh trùng sốt rét tập trung tại 1 ổ bệnh chính từ ngày 5/5: ổ bệnh phát hiện tại thôn Kon Songlok và tiếp tục lây truyền mạnh trong tháng 6 từ ngày 7-29/6, mỗi ngày 1-3 trường hợp. Trong thời gian tháng 7-8 ổ bệnh tiếp tục xuất hiện ở 2 thôn: Kon Nak và Kon Mahar. Cập nhật thời điểm hiện tại có 50 ký sinh trùng sốt rét tại xã Hà Đông, huyện Đăk Đoa phân bố ở các thôn: Kon Song Lok (47), Kon Nak (1), Kon Ma Har (2).
- Ký sinh trùng sốt rét tại các xã Lai Châu theo ghi nhận cụ thể:
  - + Phân bố ký sinh trùng sốt rét theo xã của tỉnh Lai Châu năm 2021 như sau: có 9/14 xã phát hiện ký sinh trùng sốt rét trong giai đoạn 2018-2021, xã Pa Ủ có tỷ lệ mắc sốt rét cao nhất, chiếm trên 83,6% (122/146) tổng số trường hợp ký sinh trùng sốt rét trong huyện.
  - + Có 2 thuộc vùng nguy cơ sốt rét quay trở lại phát hiện ký sinh trùng là xã Nậm Khao năm 2019 và xã Tá Bạ năm 2020-2021.
  - + Ký sinh trùng sốt rét tại xã Tá Bạ chủ yếu ở bản Vạ Pù với 19/22 trường hợp; tại xã Pa Vệ Sủ tập trung ở bản Khoang Thèn (26/33)

### 3. Ký sinh trùng sốt rét ở các nhóm

**Bảng 5. Phân bố một số chỉ số toàn quốc năm 2021 (n=467)**

TT	Ca mắc sốt rét	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Tuổi</b>		
	< 5 tuổi	17	3,64

	5-15 tuổi	116	24,84
	> 15 tuổi	351	75,16
<b>2</b>	<b>Nam giới</b>	347	74,30
<b>3</b>	<b>Dân tộc</b>		
	Kinh	76	16,27
	Xtiêng	17	3,64
	Gia Rai	106	22,70
	Ê Đê	3	0,64
	La Hụ	90	19,27
	Xơ Đăng	12	2,57

- Nhóm trên 15 tuổi có tỷ lệ mắc cao hơn so với nhóm tuổi khác, với 75,16% (351/467)
- Có 3 nhóm dân tộc có số người mắc cao nhất: Gia Rai, Kinh và La Hụ.
- Người có công việc liên quan đến đi rừng, làm rẫy chiếm tỷ trọng cao trong số người mắc sốt rét. Ngoài ra cũng có nhóm học sinh chiếm 18,86% (87/467).
- Phân bố tỉnh có nhóm có tỷ lệ học sinh, sinh viên cao tại các tỉnh: Gia Lai (37 trường hợp), Lai Châu (37 trường hợp).
- Trong năm 2021 có báo cáo 7 trường hợp tái phát trong đó có 3 trường hợp *P. vivax*.

#### **4. Nhận xét tình hình sốt rét một số tỉnh trọng điểm**

- Trong năm 2021 có một số yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sốt rét: Trong năm 2020 và 2021 có chính sách giãn cách xã hội nên không có sự giao lưu quốc gia và các tỉnh làm cho sốt rét giảm.
- Trong năm 2021 sốt rét còn lây truyền chủ yếu và diễn biến phức tạp ở những tỉnh có giáp ranh biên giới và có khu vực rừng quốc gia.
  - + Rừng quốc gia Ea Sô: Gia Lai, Phú Yên, Đắk Lắk.
  - + Rừng quốc gia Bù Gia Mập: Bình Phước, Đắk Nông.
  - + Rừng Bình Thuận: Bình Thuận, Lâm Đồng.
- Sốt rét *P. vivax* xử lý ổ bệnh gặp nhiều khó khăn và ký sinh trùng sốt rét còn tồn tại dai dẳng:
  - + Tại tỉnh Lai Châu: ký sinh trùng sốt rét ở trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 37,93% (năm 2019) và 20,69% (năm 2020), 11,22% (năm 2021) (các ổ bệnh đã được phát hiện 2019 đã được xử lý bằng các biện pháp phòng chống véc tơ, phun, tẩm màn và cấp màn, điều trị toàn dân bằng Chloroquin; Tuy nhiên năm 2021, các ổ bệnh vẫn tiếp tục phát hiện được các trường hợp *P. vivax* mới. Qua 2 năm chỉ có 2 trường hợp phát

hiện lại ký sinh trùng sốt rét *P. vivax*. Hệ thống y tế xã và y tế thôn bản chưa đáp ứng được phát hiện sớm các trường hợp bệnh nên còn nguồn bệnh trong cộng đồng. Biện pháp phun hóa chất diệt muỗi dù được triển khai nhưng cấu tạo nhà của người dân hầu hết là vách nứa thưa nên hiệu quả tồn lưu hóa chất không cao. Người dân có tập quán ngủ màn thấp do đó vẫn còn muỗi nhiễm ký sinh trùng sốt rét có khả năng lây truyền sốt rét.

- + Tại Quảng Nam: ký sinh trùng sốt rét ở trẻ em dưới 5 tuổi chiếm 25,53% (năm 2019) và 12,77% (năm 2020), 17,64% (năm 2021) không có trường hợp phát hiện lại ký sinh trùng sốt rét *P. vivax* trên cùng 1 bệnh nhân trong 2 năm.

## 5. Một số biện pháp can thiệp

- Tăng cường giám sát phát hiện:
  - + Tập trung phát hiện chủ động trường hợp bệnh ở các đối tượng nguy cơ cao, đi rừng, ngủ rẫy, giao lưu qua biên giới.
  - + Thực hiện phát hiện chủ động có chỉ điểm định kỳ tại các ổ bệnh đã được xử lý.
  - + củng cố mạng lưới y tế cơ sở thông qua hoạt động tập huấn, giám sát.
  - + Tăng cường giám sát qua phần mềm eCDS-MMS.
- Tăng cường biện pháp phòng chống véc tơ
  - + Thực hiện phát hiện chủ động véc tơ có chỉ điểm định kỳ tại các ổ bệnh đã được xử lý.
  - + Tăng cường biện pháp bảo vệ cá nhân phòng chống sốt rét: cấp kem xua, cấp võng màn cho đối tượng đi rừng.
- Nâng cao chất lượng chẩn đoán điều trị
  - + Tập huấn xét nghiệm cho các xét nghiệm viên.
  - + Tập huấn theo dõi tuân thủ phác đồ điều trị, bổ sung hoạt động giám sát theo dõi điều trị tại trạm y tế và thông qua y tế thôn bản.
- Tăng cường truyền thông phòng chống sốt rét.
  - + Tổ chức tuyên truyền các biện pháp phòng chống sốt rét cho người dân, khi có sốt cần đến các cơ sở y tế để khám, điều trị kịp thời.
  - + Tập trung truyền thông bằng tiếng dân tộc.
- Huy động nguồn lực đầu tư cho hoạt động PCLTSR
  - + Đề xuất các hoạt động nghiên cứu tới các nhà tài trợ, quỹ và tổ chức.
  - + Xây dựng hoạt động PCLTSR có sự tham gia các ban ngành.

### **III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG VÀ LOẠI TRỪ BỆNH SỐT RÉT NĂM 2021**

#### **1. Các hoạt động phòng chống sốt rét đã triển khai**

##### ***1.1. Hoạt động tại Trung ương***

- Tổ chức đánh giá kết quả hoạt động phòng chống sốt rét giai đoạn 2016 - 2020, triển khai kế hoạch hoạt động năm 2021 cho 63 tỉnh, thành phố và cơ quan y tế 7 bộ/ngành.
- Tham mưu Bộ Y tế ban hành Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 25/10/2021 Hướng dẫn giám sát và phòng chống bệnh sốt rét.
- Ban Điều hành Dự án phòng chống và loại trừ sốt rét đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn đáp ứng yêu cầu thực tế triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét trong giai đoạn hiện nay. Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch phòng chống và loại trừ sốt rét của địa phương.
- Các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống và loại trừ sốt rét, giám sát tình hình sốt rét, tổ chức kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ kỹ thuật cho các tuyến.
- Triển khai hỗ trợ can thiệp sốt rét gia tăng tại tỉnh Lai Châu: thực hiện giám sát tăng cường, thu thập mẫu xét nghiệm, đánh giá tỷ lệ mắc sốt rét. Triển khai lập kế hoạch ứng phó sốt rét cho tỉnh, tổ chức hội thảo huy động nguồn lực can thiệp và kêu gọi tài trợ cho các động phòng chống sốt rét cho tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2021-2023.
- Thực hiện giám sát dịch tễ sốt rét tại một số tỉnh đã công nhận loại trừ sốt rét 2019-2020: Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Hưng Yên, Hải Phòng, Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình.
- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn lập hồ sơ và xét công nhận loại trừ sốt rét cho tỉnh Nghệ An.
- Chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét năm 2021; cung cấp và quản lý tốt vật tư, trang thiết bị, thuốc do Dự án cấp.
- Công tác nghiên cứu khoa học: Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện các nghiên cứu đánh giá về các chủng ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc; muỗi kháng hóa chất; các biện pháp phòng chống sốt rét phù hợp cho các đối tượng đặc thù: dân di biến động, làm việc thời vụ, dân làm nương rẫy và sốt rét biên giới; nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu đánh giá phục vụ chương trình phòng chống và loại trừ sốt rét; ...
- Triển khai phần mềm báo bệnh sốt rét (eCDS - MMS), thực hiện duy trì hoạt động hàng ngày nhắc nhở địa phương thực hiện.

- Triển khai kế hoạch công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét giai đoạn 2021 - 2025.

## 1.2. Hoạt động tại địa phương

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật các tỉnh/thành phố chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét trên địa bàn theo kế hoạch được duyệt năm 2021.
- Tuyển tỉnh, huyện, xã: Tập trung giám sát dịch tễ sốt rét; chẩn đoán, điều trị kịp thời, quản lý trường hợp bệnh mắc sốt rét. Duy trì hoạt động các điểm kính hiển vi xét nghiệm tìm ký sinh trùng. Thực hiện giám sát việc triển khai điều tra trường hợp bệnh/ổ bệnh, giám sát công tác phòng chống và loại trừ sốt rét tại các tuyến. Quản lý dân di biến động đi, đến vùng sốt rét lưu hành.
- Phối hợp với Trung ương tổ chức can thiệp tại điểm nóng về sốt rét, khoanh vùng nơi có nguy cơ xảy dịch sốt rét, triển khai các biện pháp phòng chống sốt rét (phun hóa chất diệt muỗi, tẩm màn hóa chất,...). Xử lý kịp thời các điểm có tình hình sốt rét phức tạp, sốt rét gia tăng và có nguy cơ xảy dịch tại Lai Châu, Gia Lai, Đắk Lắk, Phú Yên, .
- Các địa phương thực hiện việc phun tồn lưu, tẩm màn bảo vệ người dân vùng sốt rét lưu hành, xử lý các ổ bệnh sốt rét, dự phòng chống dịch. Cấp phát kem xua muỗi để phòng chống sốt rét cho người dân đi rừng ngủ rẫy.
- Cán bộ tuyển tỉnh đào tạo cho các tuyến huyện, xã bằng nguồn kinh phí địa phương để thực hiện công tác phòng chống sốt rét tại các tuyến.
- Truyền thông: Tổ chức truyền thông nhân Ngày Thế giới phòng chống sốt rét 25/4, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng từ nguồn ngân sách địa phương.

## 2. Đánh giá thực hiện chỉ tiêu kế hoạch

**Bảng 6. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch PCLTSR năm 2021**

TT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Chết/100.000 DSC	0,02	0	
2	Mắc/1.000 DSC	0,036	0,0048	
3	Dân số bảo vệ, trong đó:	1.324.500	711.465	53,72
	Phun tồn lưu	489.000	253.597	51,86
	Tẩm màn	835.500	449.168	53,76
	Phun và tẩm		8.700	
4	Số lam/tét sử dụng	1.671.000	1.316.426	78,78

- Năm 2021 với mục tiêu bảo vệ bằng hóa chất: Đảm bảo độ bao phủ đạt trên 90% dân sống trong vùng sốt rét lưu hành vừa và nặng được bảo vệ bằng biện pháp phun hóa chất và tẩm màn. Thực hiện phun, tẩm bổ sung cho các vùng

có sốt rét kháng thuốc và sốt rét nặng. Giảm tỷ lệ chết do sốt rét dưới 0,02/100.000 dân và giảm tỷ lệ mắc sốt rét xuống dưới 0,036/1.000 dân.

- Kế hoạch năm 2021 tổng dân số bảo vệ bằng hóa chất 1.324.500 người;
- Chỉ tiêu phát hiện ký sinh trùng sốt rét bằng lam/tét: 1.671.000 xét nghiệm.
- Các chỉ số thấp hơn so với kế hoạch năm 2021:
  - o Các chỉ số mắc và tử vong do sốt rét trong năm 2021 đều thấp hơn so với kế hoạch.
  - o Chỉ tiêu bảo vệ bằng hóa chất đạt 53,72%.
  - o Chỉ tiêu về phát hiện lam/tét đạt 61,91%.

### 3. Kết quả hoạt động phòng chống sốt rét năm 2021

#### 3.1. Biện pháp quản lý và điều trị trường hợp bệnh

**Bảng 7. Điều trị bệnh nhân sốt rét năm 2021**

TT	Khu vực	Điều trị BNSR	Số liều cấp thuốc tự điều trị	Số liều điều trị khác	Tổng liều thuốc sử dụng
1	MN. Phía Bắc	105	1.882	2.414	4.401
2	ĐBTD. Bắc Bộ	27	275	39	341
3	Khu IV	3	30	0	33
4	VB. Miền Trung	93	2.834	714	3.641
5	Tây Nguyên	232	226	0	458
6	Đông Nam Bộ	34	24	1	59
7	ĐB. Cửu Long	0	385	50	435
	<b>Toàn quốc</b>	<b>494</b>	<b>5.656</b>	<b>3.218</b>	<b>9.368</b>

- Tổng liều thuốc sử dụng toàn quốc trong năm 2021 là 9.368 liều, trong đó số liều điều trị bệnh nhân sốt rét 494, số cấp thuốc tự điều trị 5.656 liều, số điều trị khác 3.218 liều. Như vậy số cấp thuốc tự điều trị chiếm tỷ trọng cao nhất.
- Các tỉnh Miền núi phía Bắc có số liều cấp thuốc tự điều trị sử dụng cao nhất so với các vùng khác, trong đó tỉnh Sơn La (2.231 liều), Lai Châu (1.708 liều).

#### 3.2. Phòng chống véc tơ sốt rét

**Bảng 8. Dân số bảo vệ bằng phun và tắm hóa chất năm 2021**

TT	Khu vực	Dân BV phun	Dân BV tắm	Dân bảo vệ bằng phun & tắm	Tổng DSBV
1	Miền núi phía Bắc	85.044	45.025	0	130.069

2	Đông bằng Bắc Bộ	9.533	9.079	0	18.612
3	Khu IV	0	0	0	0
4	Ven biển miền Trung	67.230	214.546	0	281.776
5	Tây Nguyên	54.334	67.624	4.600	126.558
6	Đông Nam Bộ	34.916	93.027	4.100	132.043
7	Đồng bằng sông Cửu Long	2.540	19.867	0	22.407
	<b>Toàn quốc</b>	<b>253.597</b>	<b>449.168</b>	<b>8.700</b>	<b>711.465</b>

- Toàn quốc năm 2021 có 253.597 được bảo vệ bằng phun, trong đó khu vực Miền núi phía Bắc có báo cáo số người bảo vệ bằng phun hóa chất tồn lưu cao nhất.
- Dân số bảo vệ tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Nguyên, tiếp theo là khu vực Miền núi phía Bắc.

### 3.3. Các hoạt động giám sát

#### 4. Hoạt động giám sát

Trong năm 2021, toàn quốc đã thực hiện các hoạt động giám sát:

- Giám sát dịch tễ 10.229 lượt trên 318.924 điểm;
- Giám sát côn trùng: 4.479 lượt trên 11.397 điểm;
- Giám sát điều trị và thuốc: 10.552 lượt trên 22.785 điểm;
- Giám sát kinh phí, vật tư: 5.453 lượt trên 7.043 điểm.

Kết quả giám sát cho thấy: Các địa phương đã thực hiện kế hoạch phòng chống sốt rét, phát hiện điều trị trường hợp bệnh được duy trì tại các cơ sở y tế.

#### 4.1. Hoạt động giám sát điểm nóng

- Năm 2021, Viện Sốt rét - KST- CT Trung ương đã điều tra can thiệp 06 điểm nóng sốt rét tại tỉnh Lai Châu: Tá Bạ, Bum Tở, Pa Ủ, Pa Vệ Sủ, Vàng San, Thu Lũm huyện Mường Tè.
  - + Tình hình sốt rét 06 điểm can thiệp diễn biến phức tạp, phát hiện tại cộng đồng 19 ký sinh trùng sốt rét: xã Tá Bạ (1), Pa Ủ (2), Pa Vệ Sủ (16), đã thực hiện điều trị cho các trường hợp được phát hiện.
  - + Điều tra côn trùng phát hiện được 8 loài *Anophenles*, trong đó phát hiện được véc tơ chính *An. minimus* tại Pa Ủ.
  - + Truyền thông trực tiếp cho 1.750 người dân.



#### 4.2. Giám sát phòng chống sốt rét quay trở lại

- Giám sát đánh giá kết quả loại trừ và công tác phòng chống sốt rét quay trở lại tại các tỉnh đã công nhận loại trừ gồm: Yên Bái, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thái Nguyên, Nam Định, Tuyên Quang, Hà Nam, Quảng Ninh, Hưng Yên, Phú Thọ, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang
- Do tình hình dịch Covid-19 nên hoạt động giám sát chỉ thực hiện được 11/15 đợt giám sát do thời gian đó các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bắc Ninh và Bắc Giang áp dụng chỉ thị 16 nên không thực hiện giám sát được.
- Kết quả giám sát thực hiện tháng 6 và tháng 7 năm 2021:
  - + Hoạt động phòng chống sốt rét được các đơn vị lập kế hoạch rõ ràng;
  - + Các tỉnh đã loại trừ đều đã lập kế hoạch và thực hiện tại các địa phương;
  - + Quản lý dân di biến động duy trì thường xuyên, đối tượng nghi ngờ được xét nghiệm sàng lọc sốt rét, đặc biệt các tỉnh thuộc miền núi vẫn duy trì phát hiện lam máu từ tuyến xã và quản lý dân di biến động từ vùng sốt rét lưu hành trở về;
  - + Năng lực xét nghiệm tại trung tâm kiểm soát bệnh tật các tỉnh và Trung tâm y tế tuyến huyện tốt.
  - + Các hoạt động phòng chống véc tơ thực hiện theo đúng quy định;
- Các tỉnh đã thực hiện báo cáo phần mềm eCDS-MMS, phần mềm đã hoạt động tốt.
- Tuyến y tế xã chưa được cập nhật tình hình dịch tễ vùng sốt rét lưu hành do vậy không biết những đối tượng người đi từ đâu về thuộc vùng sốt rét lưu hành để đưa vào diện nghi ngờ sốt rét.
- Một số cơ sở y tế tuyến xã cán bộ quản lý chương trình sốt rét còn hồng cơ bản kiến thức về bệnh sốt rét do lâu ngày không được tiếp xúc với bệnh nhân sốt rét.
- Một số trạm y tế để thất lạc hồ sơ lưu báo cáo các hoạt động phòng chống sốt rét của đơn vị mình.
- Do chưa có hướng dẫn cụ thể các hoạt động trong giai đoạn phòng chống sốt rét quay trở lại nên một số địa phương còn lúng túng trong công tác lập kế hoạch và triển khai.
- Tình trạng chủ quan với việc theo dõi phát hiện trường hợp nghi ngờ sốt rét tại các tỉnh đã loại trừ, đặc biệt các tỉnh vùng đồng bằng một số trạm y tế không thực hiện phát hiện trường hợp bệnh nghi ngờ sốt rét tại cơ sở.
- Năng lực xét nghiệm của một số đơn vị tuyến huyện yếu, một số cơ sở thiếu cán bộ chuyên xét nghiệm sốt rét, cán bộ kiêm nhiệm chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Năm 2021 các cơ sở y tế tập trung cho công tác phòng chống Covid-19 nên các hoạt động cho tấn cường phát hiện đối tượng nguy cơ cũng không là ưu tiên.

#### **4.3. Giám sát dịch tễ từ trung ương xuống tuyến dưới trong mùa cao điểm**

Thực hiện kế hoạch giám sát điểm nóng thuộc dự án RAI 3E, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã lựa chọn được 17 điểm đơn vị cần giám sát hỗ trợ mùa cao điểm sốt rét bao gồm Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Kon Tum. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương giám sát được 14/17 tỉnh và còn lại các tỉnh Kon Tum, Quảng Ngãi và Thừa Thiên Huế.

Kết quả:

- + Các điểm được giám sát có tình hình sốt rét giảm;
- + Vẫn còn các ổ bệnh tại các điểm giám sát đang hoạt động;
- + Diễn biến tình hình sốt rét phức tạp tại Lai Châu, các ổ bệnh âm thầm lưu hành trong cộng đồng tiềm ẩn nguy cơ bùng phát thành các vụ dịch nhỏ.

#### **4.4. Hỗ trợ các điểm có tình hình sốt rét phức tạp**

Thực hiện kế hoạch cán bộ tuyến Trung ương đóng điểm tại các huyện trong mùa cao điểm, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã cử cán bộ đóng điểm tại và phối hợp xử lý các điểm nóng thuộc huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu, còn 2 huyện Đắk Đoa và Đồng Xuân chưa triển khai được do thiếu cán bộ đạt yêu cầu của dự án RAI3E, nên chưa kịp triển khai năm 2021.

Các cán bộ đóng điểm đã hỗ trợ rất tích cực cho địa phương như hướng dẫn kỹ thuật trong các cuộc điều tra dịch tễ, tổ chức các buổi truyền thông trong cộng đồng, tập huấn truyền thông cho YTTB và trưởng thôn, thực hiện giám sát phun hóa chất tồn lưu, giám sát kỹ thuật tầm màn cho các xã phòng chống véc tơ, giám sát điều trị cho các trường hợp được phát hiện ký sinh trùng trong thời gian cấm điểm.

#### **4.5. Kiểm tra chất lượng lam máu các địa phương**

Hàng tháng nhận, soi lam kiểm tra trả lời kết quả kiểm tra lam cho 28 đơn vị tỉnh thành phố phía Bắc và soi kiểm tra lam các đề tài và dự án. Đảm bảo kết quả soi lam của các tỉnh, kịp thời phát hiện những sai sót trong quá trình kiểm tra, thông báo cho các tỉnh những trường hợp lam sai sót để có biện pháp xử trí kịp thời kết quả tổng số lam soi kiểm tra là 2.775 lam trong đó lam âm là 2.725 lam, lam dương là 50 lam. Trong năm 2021 đánh giá 39 điểm kính hiển vi ở một số tỉnh có 79% (31/39) không đạt.

Xây dựng ngân hàng lam phục vụ cho việc đào tạo và lưu trữ mẫu ký sinh trùng, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã cập nhật ngân hàng lam theo đúng quy trình chuẩn của WHO:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo quản ngân hàng lam theo quy định.
- Duy trì và phát triển ngân hàng lam, tổng số lam hiện có trong ngân hàng lam: 46.687 lam, gồm:
  - + *P. falciparum*: 20.007 lam
  - + *P. vivax*: 5.608 lam
  - + *P. malariae*: 3.862 lam
  - + *P. ovale*: 3.834 lam
  - + Phối hợp: 3.102 lam
  - + Âm tính: 10.274 lam.
- Duy trì phòng xét nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025.

#### **4.6. Hướng dẫn lập hồ sơ loại trừ sốt rét cho các tỉnh đạt tiêu chí loại trừ**

Theo kế hoạch, cuối năm 2021 có thêm 2 tỉnh đáp ứng tiêu chí loại trừ sốt rét là tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Nghệ An. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã tổ chức tập huấn hướng dẫn làm thủ tục hồ sơ loại trừ cho 2 tỉnh. Tuy nhiên, sau đó do dịch COVID-19 bùng phát tại nhiều địa phương trong đó có tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gia tăng mạnh, đến tháng 11 vẫn chưa ổn định, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề nghị lùi thời gian hoàn thành hồ sơ sang năm 2022.

Giám sát thẩm định và thu hồ sơ tháng 11 năm 2021 cho tỉnh Nghệ An và tổ chức họp hội đồng đánh giá xét công nhận loại trừ tháng 12 năm 2021;

- Kết quả: Bộ hồ sơ đạt tiêu chí loại trừ.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đã báo cáo kết quả cho Bộ Y tế ra quyết định công nhận LTSR cho tỉnh Nghệ An.

#### **4.7. Hoạt động thông kê báo cáo**

Năm 2021, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương tiếp tục chỉ đạo và duy trì thực hiện báo cáo số liệu tuần để kịp thời chỉ đạo và ngăn chặn sốt rét, không để dịch xảy ra. Dựa trên số liệu các tỉnh thành, Viện đã tập hợp và báo cáo Bộ Y tế đúng hạn, đảm bảo chất lượng và được Bộ Y tế đánh giá cao. Hiện tại, hệ thống đang duy trì 3 hình thức báo cáo: gửi báo cáo giấy, qua email và trên phần mềm eCDS;

Đánh giá chất lượng báo cáo trường hợp bệnh sốt rét ghi nhận: các đơn vị phân loại sai các trường hợp ngoại lai xã, huyện, tỉnh và còn bỏ trống thông tin như ghi thiếu thông tin tên tỉnh của Quảng Bình.

#### **4.8. Giám sát chẩn đoán, điều trị và thuốc sốt rét**

Ký sinh trùng sốt rét *P. falciparum* kháng Artemisinin có ở Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Quảng Nam, Khánh Hoà, Phú Yên và có nguy cơ lan rộng sang các tỉnh khác trên phạm vi toàn quốc. Trong giai đoạn 2016 - 2020, hoạt động giám sát, theo dõi, nghiên cứu ký sinh trùng kháng thuốc điều trị được

triển khai liên tục. Hoạt động ngăn chặn sự gia tăng và lan rộng của ký sinh trùng sốt rét *P. falciparum* kháng Artemisinin và dẫn chất đã được triển khai. Từ năm 2020, trên cơ sở các kết quả giám sát, nghiên cứu về tình hình kháng thuốc điều trị, chương trình đã triển khai thay thuốc điều trị sốt rét *P. falciparum* tại 4 tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước.

Đánh giá hiệu lực và tính an toàn của thuốc điều trị sốt rét: Nghiên cứu hiệu lực điều trị và tính an toàn phác đồ primaquin 0,5 mg/ kg x 7 ngày trên bệnh nhân nhiễm *Plasmodium vivax* tại Bình Phước và Gia Lai đã thu thập được 52 bệnh nhân đưa vào nghiên cứu. Hiện tại, có 4 ca tái phát ký sinh trùng *P. vivax* trong nhóm điều trị primaquin 14 ngày, 1 ca tái phát ký sinh trùng *P. vivax* trong nhóm điều trị primaquin 7 ngày. Nghiên cứu đánh giá hiệu lực và tính an toàn của artesunat-mefloquin trên bệnh nhân sốt rét do *P. falciparum* chưa biến chứng tại Gia Lai, trong 50 bệnh nhân tham gia nghiên cứu có 20 người còn ký sinh trùng ngày D3 (chiếm 40%). Nghiên cứu đánh giá hiệu lực và tính an toàn của Pyramax trên bệnh nhân sốt rét do *P. falciparum* chưa biến chứng tại Đắk Nông, có 4/10 bệnh nhân hoàn thành nghiên cứu không xuất hiện ký sinh trùng, còn 6 bệnh nhân đang tiếp tục theo dõi. Nghiên cứu đánh giá hiệu lực điều trị của dihydroartemisinin-piperaquin trên bệnh nhân sốt rét *Plasmodium falciparum* chưa biến chứng và chloroquin trên bệnh nhân sốt rét do *Plasmodium vivax* tại Bình Thuận và Lâm Đồng năm 2020 đã thu thập được 5 bệnh nhân *P. falciparum* và 6 bệnh nhân *P. vivax* (Lâm Đồng) và 3 bệnh nhân *P. falciparum*, 10 bệnh nhân nhiễm *P. vivax* tại Bình Thuận).

Năm 2020, triển khai sử dụng thuốc Pyramax để điều trị bệnh nhân nhiễm ký sinh trùng *Plasmodium falciparum* tại 4 tỉnh Bình Phước, Đắk Nông, Gia Lai và Đắk Lắk. Tổ chức 12 lớp tập huấn thay thế thuốc Pyramax điều trị sốt rét do *P. falciparum* chưa biến chứng và những thay đổi trong hướng dẫn chẩn đoán và điều trị ban hành năm 2020 cho 4 tỉnh trước khi triển khai thay thuốc.

Giám sát nâng cao chất lượng thực hiện quy trình theo dõi Ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc tại 4 tỉnh: Kon Tum, Khánh Hòa, Quảng Nam và Ninh Thuận.

## **5. Kết quả hoạt động loại trừ sốt rét**

Năm 2021, Ban Điều hành Dự án Phòng chống bệnh sốt rét có kế hoạch thẩm định hồ sơ và công nhận tỉnh Nghệ An đạt tiêu chí Loại trừ bệnh sốt rét.

## **6. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phòng chống sốt rét**

Ban Điều hành Dự án đã có văn bản đề nghị các địa phương xây dựng kế hoạch giáo dục truyền thông phòng chống sốt rét từ nguồn của Dự án Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát đánh giá thực hiện chương trình, các nguồn kinh phí khác của địa phương và tổ chức phối hợp với các cơ quan truyền thông tổ chức các hoạt động truyền thông phòng chống sốt rét phù hợp.

Công tác truyền thông, giáo dục phòng chống sốt rét thực hiện dưới hình thức như: Xây dựng phóng sự, thông điệp phát trên các kênh truyền hình trung ương, địa phương theo kế hoạch của Dự án 8. Theo dõi, giám sát, đánh giá thực

hiện chương trình và truyền thông y tế; Tổ chức truyền thông nhân Ngày Thế giới phòng chống sốt rét 25/4; phối hợp đài truyền hình, cơ quan báo đài xây dựng phóng sự và đưa tin về phòng chống sốt rét tại một số trọng điểm sốt rét; truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng từ nguồn ngân sách địa phương; truyền thông trực tiếp từ cán bộ y tế, y tế thôn bản...

**Bảng 9. Kết quả truyền thông phòng chống sốt rét năm 2021**

Tỉnh	Nói chuyện, phát thanh, TLN		Thăm hộ gia đình	
	Số lần	Số người	Số lần	Số người
MN phía Bắc	89.827	108.540.016	71.040	253.031
ĐBTD Bắc Bộ	528.294	100.221.104	18.096	72.286
Khu IV	37.407	40.127.781	36.465	216.643
VB miền Trung	85.495	54.510.985	345.290	692.772
Tây Nguyên	37.442	14.913.084	291.463	1.445.181
Đông Nam Bộ	23.222	14.120.411	64.679	364.371
ĐB Cửu Long	56.022	30.145.857	9.501	33.481
<b>Toàn quốc</b>	<b>857.709</b>	<b>362.579.238</b>	<b>836.534</b>	<b>3.077.765</b>

Theo báo cáo của các tỉnh, trong tháng đầu năm 2021, toàn quốc đã tổ chức được 857.709 lần truyền thông qua hình thức nói chuyện, phát thanh và thảo luận nhóm cho 362.579.238 lượt người và 836.534 lần truyền thông qua hình thức thăm hộ gia đình cho 3.077.765 lượt người được tiếp nhận các thông điệp truyền thông.

## 7. Công tác quản lý chương trình, kinh phí, vật tư phòng chống sốt rét

Các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đã chủ động triển khai kế hoạch phòng chống và loại trừ sốt rét theo từng khu vực ngay từ đầu năm. Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, đơn vị chủ trì triển khai hoạt động hàng tuần để cập nhật diễn biến tình hình sốt rét trên cả nước và chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ các hoạt động trên toàn quốc đảm bảo không để sốt rét gia tăng, đặc biệt là sốt rét ác tính và tử vong do sốt rét. Đáp ứng cơ bản về thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống sốt rét; Chỉ đạo thực hiện biện pháp can thiệp kịp thời tại các tỉnh trọng điểm sốt rét như Lai Châu, Gia Lai, Bình Phước, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông, Phú Yên ...; Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời và đúng phác đồ cho người bệnh nhiễm ký sinh trùng sốt rét; Tăng cường công tác giám sát dịch tễ, báo cáo trường hợp bệnh; Theo dõi, đánh giá tình hình ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc; Quản lý tốt hóa chất, thuốc, vật tư.

## 8. Đánh giá hiệu lực hóa chất diệt muỗi sốt rét

Muỗi truyền bệnh sốt rét được xác định vẫn còn lưu hành ở nhiều địa

phương của nước ta. Muỗi *An.minimus* phân bố rộng ở nhiều tỉnh gây nguy cơ bùng phát dịch khi có trường hợp bệnh mang ký sinh trùng sốt rét. Muỗi *An.dirus* tập trung ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Muỗi *An.epiroticus* tập trung chủ yếu ở khu vực Nam Bộ.

Muỗi *An.minimus* và *An.dirus* truyền sốt rét thường trú đậu và đốt người ở ngoài nhà, nên gặp nhiều khó khăn trong phòng chống bằng phun hóa chất tồn lưu và tấm màn. Đã phát hiện muỗi *An.epiroticus*, muỗi truyền bệnh sốt rét chính ở đồng bằng Nam Bộ, kháng hóa chất diệt muỗi nhóm Pyrethroid.

## **9. Thuận lợi, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

### **9.1. Thuận lợi**

- Mục tiêu Việt Nam loại trừ bệnh sốt rét vào năm 2030 đã được đưa vào Nghị quyết số 20 ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa 12 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Hoạt động phòng chống sốt rét thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020, được Nhà nước, Bộ Y tế quan tâm chỉ đạo và đầu tư kinh phí.

- Xác định được khu vực trọng điểm để tập trung nguồn lực: Khu vực miền Trung - Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa, kết hợp đẩy lùi bệnh sốt rét với xây dựng và phát triển các yếu tố bền vững ngăn ngừa sốt rét quay trở lại.

- Được các Tổ chức quốc tế như Quỹ Toàn cầu, WHO viện trợ thêm nguồn lực để thực hiện các hoạt động phòng chống sốt rét.

### **9.2. Khó khăn**

- Hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 đã được chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên của các cơ quan trung ương và địa phương từ năm 2021, ngân sách của trung ương và địa phương không đáp ứng nhiệm vụ.

- Hệ thống y tế tuyến tỉnh và huyện được bố trí, sắp xếp để tinh gọn, hiệu quả của bộ máy, nhiều đơn vị điều chuyển cán bộ có kinh làm công tác phòng chống bệnh sốt rét sang làm việc khác, thiếu cán bộ được đào tạo chuyên sâu đã ảnh hưởng đến hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Số dân sống trong vùng bệnh sốt rét lưu hành còn cao, khoảng 6.883.000 người, chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo có đời sống, điều kiện sinh hoạt khó khăn tập trung ở các vùng rừng núi, vùng sâu vùng xa, vùng Tây Nguyên, vùng biên giới; cùng với đó là những người lao động thời vụ, lao động tự do không được quản lý, thiếu tự giác về thực hiện các biện pháp phòng chống như: phun hóa chất tồn lưu, ngủ màn khi đi nương rẫy, uống thuốc đúng, đủ liều khi bị bệnh.

- Chính quyền ở một số địa phương có sốt rét lưu hành chưa thực sự quan tâm, thực hiện vai trò chỉ đạo, điều hành và có đầu tư đúng mức cho công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

- Dân di biến động đi và đến vùng sốt rét lưu hành khó quản lý ảnh hưởng rất lớn đối với công tác phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét hiện nay. Đặc biệt là những đối tượng đi làm ăn theo thời vụ từ vùng không có sốt rét và vùng sốt rét lưu hành nhẹ đến vùng sốt rét lưu hành vừa và nặng, tiềm ẩn nguy cơ lan truyền và bùng phát thành dịch sốt rét tại nhiều địa phương.
- Y tế thôn bản tuy đã phát triển được về số lượng nhưng chất lượng chuyên môn còn yếu. Một số địa phương là trọng điểm bệnh sốt rét nhưng sự tham gia của y tế thôn bản trong công tác truyền thông, giám sát phát hiện và quản lý bệnh nhân sốt rét còn hạn chế.
- Ký sinh trùng sốt rét *P.falciparum* kháng thuốc Artemisinin đặc biệt kháng thuốc sốt rét phối hợp có nguy cơ lan rộng do có sự giao lưu dân số lớn giữa những địa phương đã ghi nhận có kháng thuốc tới những địa phương chưa ghi nhận khác trên toàn quốc.
- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu có tác động đến tình hình bệnh sốt rét, muỗi truyền bệnh sốt rét thay đổi tập tính, đặc biệt muỗi sốt rét kháng hóa chất ở một số vùng nên các biện pháp phòng chống kém hiệu quả.
- Khó khăn trong việc cung ứng thuốc điều trị sốt rét do nhu cầu sử dụng ít nhà sản xuất trong nước không sản xuất.
- Không còn được Nhà nước cấp kinh phí từ nguồn ngân sách trung ương để thực hiện hoạt động chuyên môn, mua thuốc sốt rét, hóa chất xua diệt muỗi sốt rét, vật tư, hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét cấp cho các tỉnh sử dụng như giai đoạn 2016 - 2020.
- Không có định mức chi đặc thù dẫn đến khó khăn trong triển khai các hoạt động chuyên môn như chi công phun tẩm hóa chất diệt muỗi sốt rét, chi mời người bắt muỗi, định loại muỗi, chi lấy mẫu xét nghiệm...
- Do dịch bệnh COVID-19 kéo dài, nhiều địa phương phong tỏa, hạn chế di chuyển, hạn chế tập trung đông người nên việc triển khai các hoạt động tại thực địa như giám sát, tập huấn, nghiên cứu khoa học bị ảnh hưởng.

## PHẦN 2: TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG & LOẠI TRỪ SỐT RÉT NĂM 2022

### 1. Mục tiêu, chỉ tiêu năm 2022

#### 1.1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy lùi sốt rét; tập trung cho những vùng sốt rét lưu hành nặng, sốt rét kháng thuốc và các đối tượng nguy cơ cao; củng cố các yếu tố bền vững, ngăn chặn sốt rét quay trở lại tiến tới loại trừ bệnh sốt rét.

#### 1.2. Chỉ tiêu

- Không để dịch sốt rét lớn xảy ra.
- Duy trì tỷ lệ chết do sốt rét dưới 0,002/100.000 dân.
- Giảm tỷ lệ mắc sốt rét xuống dưới 0,031/1.000 dân.
- 6 tỉnh được công nhận đạt tiêu chí loại trừ bệnh sốt rét: Bắc Kạn, Hòa Bình, Thừa Thiên - Huế, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau

### 2. Nội dung hoạt động chủ yếu

Công tác phòng chống và loại trừ sốt rét tập trung triển khai các hoạt động chính như sau:

- Đáp ứng đủ thuốc để điều trị sốt rét; vật tư, hóa chất xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét; hóa chất phun tồn lưu, tấm màn xua diệt muỗi sốt rét.
- Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật tại các tuyến và hướng dẫn thực hiện các hoạt động chuyên môn phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Giám sát phát hiện, tổ chức điều trị và quản lý bệnh nhân có P.f kháng thuốc Artemisinin và dẫn chất; các chủng ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc khác.
- Tăng cường hệ thống giám sát, báo cáo trường hợp bệnh sốt rét bằng phần mềm eCDS-MMS tại các tuyến.
- Đào tạo, tập huấn chuyên môn về phòng chống và loại trừ sốt rét, giám sát; chẩn đoán, điều trị sốt rét; tiêu chí, thủ tục công nhận loại trừ sốt rét.
- Triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá, nghiên cứu phục vụ công tác phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Tăng cường công tác phát hiện, điều trị kịp thời, quản lý ca bệnh sốt rét.
- Duy trì hoạt động các điểm kính hiển vi xét nghiệm tìm ký sinh trùng sốt rét.
- Giám sát lưu hành của muỗi sốt rét, muỗi truyền bệnh sốt rét kháng hóa chất diệt; bảo vệ chủ động cho người dân vùng sốt rét lưu hành bằng phun tồn lưu, tấm màn hóa chất diệt muỗi, cấp kem xua muỗi.
- Quản lý tốt dân di biến động đi, đến vùng sốt rét lưu hành.



- Truyền thông, giáo dục sức khỏe về phòng chống và loại trừ sốt rét.
- Đề xuất Bộ Y tế phê duyệt danh mục hóa chất sử dụng trong phòng chống sốt rét giai đoạn 2023 - 2025.

### 3. Phân công nhiệm vụ triển khai các hoạt động

Tuyến Trung ương do các Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng và cơ quan y tế các Bộ/Ngành thực hiện.

TT	Nội dung	Trung ương	Địa phương
1	Tập huấn về phòng chống và hướng dẫn thực hiện loại trừ sốt rét cho cán bộ tuyến tỉnh	x	
2	Đào tạo lại cho cán bộ y tế tuyến cơ sở y tế về phòng chống và loại trừ sốt rét		x
3	Đánh giá, xác minh kết quả loại trừ bệnh sốt rét của tuyến trung ương	x	
4	Đánh giá, xác minh kết quả loại trừ bệnh sốt rét; điều tra ca bệnh/ổ bệnh, giám sát dịch tễ sốt rét tuyến tỉnh, huyện, xã		x
5	Hỗ trợ can thiệp tại các điểm nóng về sốt rét	x	x
6	Triển khai các hoạt động can thiệp tại các vùng có nguy cơ bùng phát dịch sốt rét.	x	x
7	Đánh giá tình hình dịch tễ, véc tơ truyền bệnh, chẩn đoán, tuân thủ điều trị sốt rét tại các tuyến theo hướng dẫn của Bộ Y tế; các biện pháp phòng chống sốt rét để đề xuất biện pháp phòng chống phù hợp; ứng dụng kỹ thuật trong phòng chống sốt rét	x	x
8	Giám sát hiệu lực thuốc sốt rét và thuốc điều trị sốt rét kháng thuốc.	x	
9	Kiểm tra, giám sát chuyên môn, hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn các tuyến thực hiện hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét do tuyến trung ương thực hiện	x	
10	Thu thập và định loại muỗi truyền sốt rét. Xét nghiệm độ nhạy cảm, hiệu lực diệt muỗi của hoá chất sốt rét.	x	
11	Xét nghiệm xác định loài sốt rét bằng kỹ thuật cao phục vụ hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét.	x	
12	Mua thuốc, hoá chất phun tồn lưu, tấm màn diệt muỗi sốt rét; vật tư, hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét sử dụng tại cơ quan Trung ương.	x	
13	Mua thuốc, hoá chất phun tồn lưu, tấm màn diệt muỗi sốt		x

TT	Nội dung	Trung ương	Địa phương
	rét; vật tư, hóa chất xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét sử dụng tại địa phương.		
14	Triển khai các hoạt động phun, tẩm hóa chất phòng chống muỗi sốt rét		x
15	Duy trì hoạt động các điểm kính hiển vi		x
16	Tổ chức các chiến dịch truyền thông, huy động cộng đồng tham gia các hoạt động phòng chống sốt và loại trừ sốt rét tại địa phương		x
17	Đề xuất Bộ Y tế phê duyệt danh mục hóa chất sử dụng trong phòng chống sốt rét giai đoạn 2023 - 2025.	x	

#### 4. Địa điểm thực hiện

##### 4.1. Hoạt động triển khai ở Trung ương (các Bộ, Ngành):

Tại Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng TP. Hồ Chí Minh; cơ quan y tế các Bộ/ngành: Quốc phòng, Công an, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

##### 4.2. Hoạt động triển khai ở địa phương:

Hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét được triển khai trên phạm vi 63 tỉnh/thành phố, các tỉnh lưu hành bệnh sốt rét tập trung triển khai hoạt động phòng chống sốt rét, các tỉnh đáp ứng tiêu chí loại trừ sốt rét tập trung thực hiện các hoạt động để công nhận loại trừ sốt rét và các hoạt động phòng chống sốt rét quay trở lại; ưu tiên một số địa phương nằm trong vùng trọng điểm về dịch tễ, vùng có nguy cơ bùng phát dịch, các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các tỉnh nghèo, miền núi, các tỉnh có ảnh hưởng lớn do thiên tai.

#### 5. Giải pháp thực hiện

##### 5.1. Các giải pháp về chính sách và xã hội

- Đưa công tác phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.
- Xã hội hóa công tác phòng chống sốt rét; đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của người dân, đặc biệt người dân sống ở vùng sốt rét về các biện pháp phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét.

##### 5.2. Nâng cao năng lực hệ thống

- Củng cố mạng lưới và tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ tham gia triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét các tuyến.
- Đào tạo, tập huấn cho các tuyến về: Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch;

giám sát, đánh giá; chẩn đoán, điều trị; tiêu chí, thủ tục công nhận huyện, tỉnh đạt tiêu chí loại trừ sốt rét.

### **5.3. Các giải pháp về chuyên môn kỹ thuật**

- Rà soát xác định mục tiêu, lộ trình loại trừ sốt rét phù hợp với từng địa phương.
- Phát hiện bệnh sớm, điều trị kịp thời, đúng phác đồ, duy trì các điếm kính hiển vi xã, liên xã.
- Tăng cường giám sát chất lượng chẩn đoán điều trị sốt rét ở các tuyến (bao gồm cả các bệnh viện).
- Cung cấp đủ và quản lý tốt thuốc sốt rét có hiệu lực cao cho các tuyến.
- Đảm bảo độ bao phủ và chất lượng phun, tẩm hóa chất phòng chống muỗi sốt rét theo chỉ định và bổ sung kịp thời cho các khu vực có nguy cơ gia tăng sốt rét tại các địa phương.
- Phát triển và củng cố hệ thống giám sát, đánh giá từ trung ương đến cơ sở; xây dựng quy trình và hướng dẫn theo dõi giám sát cho từng tuyến; tăng cường hoạt động giám sát tại các vùng có sốt rét lưu hành nặng; tập trung giám sát và chỉ đạo các biện pháp phòng chống có hiệu quả tại các trọng điếm sốt rét; tăng cường quản lý và giám sát chặt chẽ vùng có dân di biến động.
- Tăng cường công tác điều tra, báo cáo ca bệnh.

### **5.4. Các giải pháp về nghiên cứu khoa học và ứng dụng kết quả của nghiên cứu khoa học vào hoạt động phòng, chống sốt rét và sốt rét kháng thuốc**

- Nghiên cứu hiệu lực của thuốc điều trị sốt rét, ký sinh trùng sốt rét kháng thuốc và các phác đồ điều trị bệnh sốt rét có hiệu lực cao.
- Nghiên cứu muỗi kháng hóa chất diệt và các biện pháp phòng chống muỗi sốt rét thích hợp và hiệu quả cao.
- Nghiên cứu đánh giá hiệu quả của loại trừ bệnh sốt rét đối với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

### **5.5. Các giải pháp về đảm bảo nguồn lực trong nước và quốc tế**

- Đảm bảo nguồn lực trong nước: Bảo đảm kinh phí cho các hoạt động phòng, chống và loại trừ bệnh sốt rét bao gồm ngân sách của Trung ương, ngân sách của địa phương; Phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.
- Huy động nguồn lực hợp tác quốc tế: Duy trì, mở rộng hợp tác quốc tế tìm kiếm khả năng hợp tác mới theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa nhằm tận dụng tối đa nguồn viện trợ.

### **5.6. Giải pháp đáp ứng thuốc điều trị sốt rét**

TT	Tên thuốc	Tồn kho tại các tuyến đến 31/1/2022	Đối tượng sử dụng	Thời gian sử dụng	Phương án đáp ứng
1	Dihydroartemisinin 40mg - piperaquin phosphat 320mg (Arterakin)	162.727 viên HD: 29/11/2022	Theo QĐ 2699/QĐ-BYT ngày 26/6/2020	1/1/2022 đến 29/11/2022	Sử dụng thuốc tồn kho đang có tại các tuyến
2	Pyronaridin 180mg - Artesunat 60mg (Pyramax) <i>Thay DHA-PP</i>	28.350 viên HD: 03/1/2023	Sử dụng trên toàn quốc cho người $\geq 7$ tuổi, cân nặng $\geq 20$ kg	Từ 30/11/2022	Viện Sốt rét - KST - CT Trung ương
3	Quinine sulphate 250 mg <i>Thay DHA-PP</i>	38.255 viên HD: 19/9/2023	Trẻ em < 7 tuổi, cân nặng < 20kg; PN có thai 3 tháng đầu	Từ 30/11/2022	Sau khi sử dụng hết thuốc tồn kho đang có tại các tuyến, các địa phương mua và sử dụng
4	Clindamycin	0			Địa phương mua hoặc thanh toán BHYT hoặc người bệnh tự mua.
5	Primaquin 13,2mg	22.000 viên HD: 6/2023	Theo QĐ 2699/QĐ-BYT ngày 26/6/2020		Viện Sốt rét - KST - CT Trung ương
6	Chloroquin 250mg	269.000 viên HD: T6 và T9/2023	Theo QĐ 2699/QĐ-BYT ngày 26/6/2020		Sau khi sử dụng hết thuốc tồn kho đang có tại các tuyến, các địa phương mua và sử dụng
7	Artesunat 60mg	7.438 ống HD: 13/4/2023	Theo QĐ 2699/QĐ-BYT ngày 26/6/2020		Viện Sốt rét - KST - CT Trung ương

- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương đáp ứng thuốc cho các cơ quan trung ương, địa phương đối với danh mục thuốc điều trị sốt rét trên thị trường Việt Nam không có nguồn cung ứng gồm:
  - + Pyronaridin 180mg - Artesunat 60mg (Pyramax).
  - + Primaquin 13,2mg
  - + Artesunat 60mg.

- Các đơn vị trung ương, địa phương cung ứng danh mục thuốc điều trị sốt rét có sẵn trên thị trường Việt Nam gồm:
  - + Quinine sulphate 250 mg
  - + Chloroquin 250mg
  - + Clindamycin

## **6. Kinh phí thực hiện:**

### **6.1. Kinh phí mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống sốt rét:**

#### a) Các cơ quan thuộc Trung ương:

Sau khi sử dụng hết số thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống sốt rét tồn kho mua từ nguồn Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020, các cơ quan Trung ương đề xuất Bộ chủ quản cấp kinh phí mua thuốc, hóa chất, vật tư sử dụng tại cơ quan Trung ương.

#### b) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Sau khi sử dụng hết số thuốc, hóa chất, vật tư phòng chống sốt rét tồn kho được cấp hoặc mua từ nguồn Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền của địa phương bố trí ngân sách mua sắm hàng hóa đáp ứng nhu cầu sử dụng của địa phương.

### **6.2. Kinh phí hoạt động**

#### a) Các cơ quan thuộc Trung ương:

Các cơ quan Trung ương đề xuất Bộ chủ quản cấp kinh phí thực hiện hoạt động chuyên môn do các cơ quan trung ương thực hiện.

#### a) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền của địa phương bố trí ngân sách thực hiện hoạt động chuyên môn tại địa phương.

## **7. Theo dõi, giám sát, đánh giá**

### **7.1. Trung ương**

- Cập nhật thường xuyên số liệu báo cáo tuần để lượng giá, đánh giá hiệu quả việc thực hiện các hoạt động phòng chống và loại trừ sốt rét và đề ra giải pháp can thiệp hiệu quả.
- Triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá về dịch tễ, côn trùng, chẩn đoán và điều trị, quản lý thuốc, hóa chất, vật tư theo kế hoạch, theo chuyên đề đảm bảo hoạt động dự án đạt mục tiêu.

### **7.2. Địa phương**

- Triển khai các nội dung hoạt động theo kế hoạch.

- Báo cáo kết quả triển khai hoạt động định kỳ cho Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.

## 8. Đề xuất, kiến nghị

- Đối với Bộ Y tế:

Tiếp tục quan tâm đầu tư ngân sách, xây dựng cơ chế đầu tư phù hợp để duy trì các kết quả phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét đã đạt được, đồng thời duy trì tính liên tục hoạt động phòng chống sốt rét để đạt được mục tiêu loại trừ bệnh sốt rét *P. falciparum* vào năm 2025, loại trừ hoàn toàn sốt rét tại Việt Nam vào năm 2030.

Tiếp tục giao Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương là đơn vị chủ trì triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét để thống nhất chỉ đạo triển khai các hoạt động chuyên môn.

- Đối với UBND, Sở Y tế các tỉnh, thành phố:

Quan tâm đầu tư ngân sách cho các hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét phù hợp với tình hình sốt rét và lộ trình loại trừ bệnh sốt rét của địa phương.

Chỉ đạo các đơn vị liên quan của địa phương triển khai các hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét đạt mục tiêu đề ra.

- Đối với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật các tỉnh, thành phố:

Xây dựng kế hoạch, kinh phí hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét năm 2022 đề nghị cấp có thẩm quyền của địa phương phê duyệt cấp ngân sách hoạt động.

Bố trí nhân lực triển khai hoạt động phòng chống và loại trừ bệnh sốt rét tại địa phương. Hướng dẫn các đơn vị tuyến dưới triển khai thực hiện đúng các nội dung chuyên môn.

Tiếp nhận thuốc, hóa chất, vật tư từ nguồn Trung ương cấp để triển khai hoạt động trên địa bàn đúng quy định.

### Nơi nhận:

- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- TT. Nguyễn Trường Sơn (để báo cáo);
- Vụ KHTC (để báo cáo);
- Cục YTDP (để báo cáo);
- Các Viện Sốt rét - KST - CT;
- CDC các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, KHTH.

**VIỆN TRƯỞNG**  


**Trần Thanh Dương**

**Phụ lục 1. Tỷ lệ bệnh nhân mắc và chết sốt rét 12 tháng năm 2021**

<b>T T</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>DS chung</b>	<b>Tổng số BNSR</b>	<b>BNSR/ 1000 DS chung</b>	<b>BNSR/ 1000 DS SRLH</b>	<b>Tử vong</b>	<b>Chết/ 100.000 DS chung</b>
1	Lai Châu	460.220	101	0,22	1,87	0	0,00
2	Điện Biên	598.827	1	0,00	0,01	0	0,00
3	Sơn La	1.258.201	0	0,00		0	0,00
4	Lào Cai	730.900	0	0,00		0	0,00
5	Yên Bái	844.933	2	0,00		0	0,00
6	Hà Giang	855.138	0	0,00	0,00	0	0,00
7	Tuyên Quang	789.806	0	0,00		0	0,00
8	Thái Nguyên	1.279.983	0	0,00		0	0,00
9	Bắc Kạn	314.531	0	0,00	0,00	0	0,00
10	Cao Bằng	532.381	0	0,00	0,00	0	0,00
11	Lạng Sơn	791.728	1	0,00		0	0,00
12	Quảng Ninh	1.326.449	0	0,00		0	0,00
13	Hoà Bình	868.790	0	0,00	0,00	0	0,00
14	Bắc Ninh	1.364.395	0	0,00		0	0,00
15	Bắc Giang	1.815.095	0	0,00		0	0,00
16	Phú Thọ	1.485.929	0	0,00		0	0,00
17	Vĩnh Phúc	1.154.471	0	0,00		0	0,00
18	Hà Nội	7.987.215	0	0,00		0	0,00
19	Hải Dương	1.884.562	0	0,00		0	0,00
20	Hưng Yên	1.263.672	0	0,00		0	0,00
21	Hải Phòng	2.032.668	0	0,00		0	0,00
22	Thái Bình	1.932.842	0	0,00		0	0,00
23	Hà Nam	852.779	0	0,00		0	0,00
24	Nam Định	1.874.417	0	0,00		0	0,00
25	Ninh Bình	983.225	0	0,00		0	0,00
26	Thanh Hoá	3.786.151	0	0,00	0,00	0	0,00
27	Nghệ An	3.348.795	0	0,00	0,00	0	0,00

<b>T T</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>DS chung</b>	<b>Tổng số BNSR</b>	<b>BNSR/ 1000 DS chung</b>	<b>BNSR/ 1000 DS SRLH</b>	<b>Tử vong</b>	<b>Chết/ 100.000 DS chung</b>
28	Hà Tĩnh	1.286.196	3	0,00		0	0,00
29	Quảng Bình	908.109	4	0,00	0,01	0	0,00
30	Quảng Trị	637.448	1	0,00	0,01	0	0,00
31	Thừa Thiên Huế	1.141.367	0	0,00	0,00	0	0,00
32	TP Đà Nẵng	1.165.754	0	0,00		0	0,00
33	Quảng Nam	1.530.407	16	0,01	0,20	0	0,00
34	Quảng Ngãi	1.265.903	10	0,01	0,17	0	0,00
35	Bình Định	1.505.454	4	0,00	0,02	0	0,00
36	Phú Yên	873.644	43	0,05	0,18	0	0,00
37	Khánh Hoà	1.235.607	3	0,00	0,03	0	0,00
38	Ninh Thuận	594.717	1	0,00	0,00	0	0,00
39	Bình Thuận	1.234.477	11	0,01	0,02	0	0,00
40	Gia Lai	1.522.843	197	0,13	0,19	0	0,00
41	Kon Tum	540.442	5	0,01	0,02	0	0,00
42	Đắk Lắk	1.895.014	12	0,01	0,01	0	0,00
43	Đắk Nông	621.353	9	0,01	0,02	0	0,00
44	Lâm Đồng	1.305.769	9	0,01	0,04	0	0,00
45	Đồng Nai	3.116.510	0	0,00	0,00	0	0,00
46	Bình Dương	2.423.358	1	0,00	0,01	0	0,00
47	Bình Phước	994.791	33	0,03	0,04	0	0,00
48	Tây Ninh	1.169.228	0	0,00	0,00	0	0,00
49	Bà Rịa Vũng Tàu	1.149.604	0	0,00	0,00	0	0,00
50	Hồ Chí Minh	8.883.154	0	0,00		0	0,00
51	Long An	1.671.024	0	0,00		0	0,00
52	Tiền Giang	1.777.546	0	0,00		0	0,00
53	Bến Tre	1.431.643	0	0,00		0	0,00
54	Đồng Tháp	1.613.477	0	0,00		0	0,00
55	An Giang	1.940.826	0	0,00		0	0,00



<b>T T</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>DS chung</b>	<b>Tổng số BNSR</b>	<b>BNSR/ 1000 DS chung</b>	<b>BNSR/ 1000 DS SRLH</b>	<b>Tử vong</b>	<b>Chết/ 100.000 DS chung</b>
56	Vĩnh Long	1.023.160	0	0,00		0	0,00
57	Trà Vinh	1.009.520	0	0,00		0	0,00
58	Cần Thơ	1.236.996	0	0,00		0	0,00
59	Hậu Giang	734.114	0	0,00		0	0,00
60	Sóc Trăng	1.200.822	0	0,00	0,00	0	0,00
61	Kiên Giang	1.734.504	0	0,00	0,00	0	0,00
62	Bạc Liêu	908.661	0	0,00	0,00	0	0,00
63	Cà Mau	1.194.484	0	0,00	0,00	0	0,00
	<b>Cộng</b>	<b>96.896.030</b>	<b>467</b>	<b>0</b>	<b>0,07</b>	<b>0</b>	<b>0,00</b>

**Phụ lục 2. Mắc sốt rét theo lứa tuổi 12 tháng năm 2021**

TT	Tỉnh	Số mắc		TE < 5 tuổi		TE từ 5-15 tuổi		PNCT	
		Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết
1	Lai Châu	101	0	6	0	29	0	2	0
2	Điện Biên	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Yên Bái	2	0	0	0	0	0	0	0
6	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lạng Sơn	1	0	0	0	0	0	0	0
12	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hà Tĩnh	3	0	0	0	0	0	0	0
29	Quảng Bình	4	0	1	0	1	0	0	0
30	Quảng Trị	1	0	0	0	0	0	0	0
31	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Quảng Nam	16	0	2	0	4	0	0	0
34	Quảng Ngãi	10	0	0	0	0	0	0	0
35	Bình Định	4	0	0	0	0	0	0	0
36	Phú Yên	43	0	0	0	2	0	0	0
37	Khánh Hoà	3	0	1	0	1	0	0	0

TT	Tỉnh	Số mắc		TE < 5 tuổi		TE từ 5-15 tuổi		PNCT	
		Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết	Số mắc	Số chết
38	Ninh Thuận	1	0	0	0	0	0	0	0
39	Bình Thuận	11	0	0	0	0	0	0	0
40	Gia Lai	197	0	4	0	29	0	0	0
41	Kon Tum	5	0	0	0	0	0	0	0
42	Đắk Lắk	12	0	0	0	0	0	0	0
43	Đắk Nông	9	0	0	0	0	0	0	0
44	Lâm Đồng	9	0	0	0	0	0	0	0
45	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Bình Dương	1	0	0	0	0	0	0	0
47	Bình Phước	33	0	0	0	2	0	0	0
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>467</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>68</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>0</b>

**Phụ lục 3. Bệnh nhân mắc sốt rét 12 tháng năm 2021 phân theo cơ sở phát hiện**

TT	Tỉnh	Tổng số BNSR	Cơ sở thực hiện				
			Y tế xã, thôn	Y tế huyện, tỉnh	BV nội trú	BV ngoại trú	Y tế tư nhân
1	Lai Châu	101	89	12	0	0	0
2	Điện Biên	1	0	0	0	0	1
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0
4	Lào Cai	0	0	0	0	0	0
5	Yên Bái	2	0	2	0	0	0
6	Hà Giang	0	0	0	0	0	0
7	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0
8	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0
11	Lạng Sơn	1	0	1	0	0	0
12	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0
15	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0
16	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0
18	Hà Nội	0	0	0	0	0	0
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0
22	Thái Bình	0	0	0	0	0	0
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0
24	Nam Định	0	0	0	0	0	0
25	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0
27	Nghệ An	0	0	0	0	0	0
28	Hà Tĩnh	3	2	1	0	0	0
29	Quảng Bình	4	4	0	0	0	0
30	Quảng Trị	1	0	0	1	0	0
31	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0

TT	Tỉnh	Tổng số BNSR	Cơ sở thực hiện				
			Y tế xã, thôn	Y tế huyện, tỉnh	BV nội trú	BV ngoại trú	Y tế tư nhân
33	Quảng Nam	16	3	11	2	0	0
34	Quảng Ngãi	10	4	2	4	0	0
35	Bình Định	4	0	3	1	0	0
36	Phú Yên	43	12	0	31	0	0
37	Khánh Hoà	3	1	2	0	0	0
38	Ninh Thuận	1	0	0	1	0	0
39	Bình Thuận	11	9	1	1	0	0
40	Gia Lai	197	151	10	13	18	5
41	Kon Tum	5	0	0	5	0	0
42	Đắk Lắk	12	7	0	5	0	0
43	Đắk Nông	9	3	0	6	0	0
44	Lâm Đồng	9	5	1	2	1	0
45	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0
46	Bình Dương	1	0	0	1	0	0
47	Bình Phước	33	24	1	2	0	6
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0
49	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0
51	Long An	0	0	0	0	0	0
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0
53	Bến Tre	0	0	0	0	0	0
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0	0	0
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0
57	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>467</b>	<b>314</b>	<b>47</b>	<b>75</b>	<b>19</b>	<b>12</b>

**Phụ lục 4. So sánh BNSR 12 tháng năm 2021 so với 12 tháng năm 2020**

T T	Tỉnh	2021				2020				% tăng, giảm			
		BN SR	A T	T V	KS T	BNS R	A T	T V	KST	BNSR	AT	TV	KST
1	Lai Châu	101	0	0	101	72	0	0	58	40,28			74,14
2	Điện Biên	1	0	0	1	4	0	0	2	-75			-50,00
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0				
4	Lào Cai	0	0	0	0	2	0	0	2	-100			-100,00
5	Yên Bái	2	0	0	2	0	0	0	0				
6	Hà Giang	0	0	0	0	2	0	0	2	-100			-100,00
7	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	Thái Nguyên	0	0	0	0	13	0	0	0	-100			
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0				
10	Cao Bằng	0	0	0	0	4	0	0	0	-100			
11	Lạng Sơn	1	0	0	1	0	0	0	0				
12	Quảng Ninh	0	0	0	0	1	0	0	1	-100			-100,00
13	Hoà Bình	0	0	0	0	22	0	0	0	-100			
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0				
15	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0				
16	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0				
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	1	0	0	0	-100			
18	Hà Nội	0	0	0	0	6	0	0	6	-100			-100,00
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0				
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0				
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0				
22	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0				
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0				
24	Nam Định	0	0	0	0	65	0	0	0	-100			
25	Ninh Bình	0	0	0	0	10	0	0	1	-100			-100,00
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	2	0	0	1	-100			-100,00
27	Nghệ An	0	0	0	0	10	0	0	9	-100			-100,00
28	Hà Tĩnh	3	0	0	3	163	0	0	4	-98,16			-25,00
29	Quảng Bình	4	0	0	4	27	1	1	22	-85,19	-100	-100	-81,82
30	Quảng Trị	1	0	0	1	7	0	0	6	-85,71			-83,33
31	Thừa T Huế	0	0	0	0	0	0	0	0				
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	1	0	0	0	-100			
33	Quảng Nam	16	0	0	16	48	0	0	47	-66,67			-65,96
34	Quảng Ngãi	10	0	0	10	20	0	0	20	-50			-50,00
35	Bình Định	4	0	0	4	23	0	0	22	-82,61			-81,82
36	Phú Yên	43	0	0	43	146	0	0	146	-70,55			-70,55
37	Khánh Hoà	3	0	0	3	30	2	0	30	-90	-100		-90,00

T T	Tỉnh	2021				2020				% tăng, giảm			
		BN SR	A T	T V	KS T	BNS R	A T	T V	KST	BNSR	AT	TV	KST
38	Ninh Thuận	1	0	0	1	6	0	0	6	-83,33			-83,33
39	Bình Thuận	11	0	0	11	74	0	0	74	-85,14			-85,14
40	Gia Lai	197	0	0	197	586	0	0	586	-66,38			-66,38
41	Kon Tum	5	0	0	5	27	0	0	19	-81,48			-73,68
42	Đắk Lắk	12	0	0	12	126	0	0	123	-90,48			-90,24
43	Đắk Nông	9	0	0	9	54	0	0	54	-83,33			-83,33
44	Lâm Đồng	9	0	0	9	44	0	0	44	-79,55			-79,55
45	Đồng Nai	0	0	0	0	4	0	0	4	-100			-100,00
46	Bình Dương	1	0	0	1	2	0	0	2	-50			-50,00
47	Bình Phước	33	0	0	33	126	0	0	126	-73,81			-73,81
48	Tây Ninh	0	0	0	0	2	0	0	2	-100			-100,00
49	Bà Rịa V Tàu	0	0	0	0	2	0	0	2	-100			-100,00
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	0				
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0				
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0				
53	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0				
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0				
55	An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0				
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	1	1	0	1	-100	-100		-100,00
57	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0				
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0				
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0				
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0				
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0				
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0				
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0				
	<b>Cộng</b>	<b>467</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>467</b>	<b>1.733</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>1.422</b>	<b>-73,1</b>	<b>-100</b>	<b>-100</b>	<b>-67,2</b>

**Phụ lục 5. Điều trị BNSR và tử vong do SR 12 tháng năm 2021**

T T	Tỉnh	Điều trị BNS R	Số liều cấp thuốc tự ĐT	Số liều điều trị khác	Điều trị mở rộng	Ca P.falci điều trị thuốc ACT	Tổng liều thuốc sử dụng	Số chết	Số chết	
									<15 T	PN CT
1	Lai Châu	101	1.596	11	0	0	1.708	0	0	0
2	Điện Biên	1	0	0	0	0	1	0	0	0
3	Sơn La	0	10	2.221	0	0	2.231	0	0	0
4	Lào Cai	0	32	4	0	0	36	0	0	0
5	Yên Bái	2	10	12	0	0	24	0	0	0
6	Hà Giang	0	16	2	0	0	18	0	0	0
7	Tuyên Quang	0	46	10	0	0	56	0	0	0
8	Thái Nguyên	0	126	125	0	0	251	0	0	0
9	Bắc Kạn	0	13	10	0	0	23	0	0	0
10	Cao Bằng	0	33	14	0	0	47	0	0	0
11	Lạng Sơn	1	0	0	0	0	1	0	0	0
12	Quảng Ninh	0	0	5	0	0	5	0	0	0
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Bắc Ninh	1	41	22	0	0	64	0	0	0
15	Bắc Giang	0	0	3	0	0	3	0	0	0
16	Phú Thọ	0	2	1	0	0	3	0	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	58	0	0	0	58	0	0	0
18	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Hải Dương	26	32	2	0	0	60	0	0	0
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Hải Phòng	0	16	9	0	0	25	0	0	0
22	Thái Bình	0	51	0	0	0	51	0	0	0
23	Hà Nam	0	16	0	0	0	16	0	0	0
24	Nam Định	0	15	0	0	0	15	0	0	0
25	Ninh Bình	0	44	2	0	0	46	0	0	0
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hà Tĩnh	3	30	0	0	3	33	0	0	0
29	Quảng Bình	4	560	5	0	1	569	0	0	0
30	Quảng Trị	1	40	0	0	1	41	0	0	0
31	Thừa T Huế	0	82	10	0	0	92	0	0	0
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Quảng Nam	16	0	0	0	1	16	0	0	0
34	Quảng Ngãi	10	375	696	0	5	1.081	0	0	0



T T	Tỉnh	Điều trị BNS R	Số liệu cấp thuốc tự ĐT	Số liệu điều trị khác	Điều trị mở rộng	Ca P.falci điều trị thuốc ACT	Tổng liều thuốc sử dụng	Số chết	Số chết	
									<15 T	PN CT
35	Bình Định	4	277	2	0	3	283	0	0	0
36	Phú Yên	43	233	0	0	29	276	0	0	0
37	Khánh Hoà	3	0	1	0	0	4	0	0	0
38	Ninh Thuận	1	495	0	0	0	496	0	0	0
39	Bình Thuận	11	772	0	0	3	783	0	0	0
40	Gia Lai	197	0	0	0	134	197	0	0	0
41	Kon Tum	5	216	0	0	1	221	0	0	0
42	Đắk Lắk	12	10	0	0	4	22	0	0	0
43	Đắk Nông	9	0	0	0	1	9	0	0	0
44	Lâm Đồng	9	0	0	0	6	9	0	0	0
45	Đồng Nai	0	18	0	0	0	18	0	0	0
46	Bình Dương	1	0	1	0	1	2	0	0	0
47	Bình Phước	33	6	0	0	0	39	0	0	0
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Bà Rịa V Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Hồ Chí Minh	0	4	1	0	0	5	0	0	0
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Tiền Giang	0	179	46	0	0	225	0	0	0
53	Bến Tre	0	32	0	0	0	32	0	0	0
54	Đồng Tháp	0	1	2	0	0	3	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Vĩnh Long	0	13	0	0	0	13	0	0	0
57	Trà Vinh	0	86	0	0	0	86	0	0	0
58	Cần Thơ	0	7	0	0	0	7	0	0	0
59	Hậu Giang	0	63	1	0	0	64	0	0	0
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>494</b>	<b>5.656</b>	<b>3.218</b>	<b>0</b>	<b>193</b>	<b>9.368</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Phụ lục 6. Số lượng xét nghiệm ký sinh trùng 12 tháng năm 2021**

<b>TT</b>	<b>Tỉnh</b>	<b>Que thử</b>	<b>sốt</b>	<b>Lam phát hiện</b>	<b>sốt</b>	<b>Lam và tét</b>	<b>sốt</b>
1	Lai Châu	404	304	22.846	15.802	12.621	3.831
2	Điện Biên	8.635	7.043	25.404	12.569	3.172	2.399
3	Sơn La	3.041	1.874	24.185	11.296	0	0
4	Lào Cai	3.073	2.698	3.484	3.420	455	455
5	Yên Bái	0	0	997	790	0	0
6	Hà Giang	1.084	963	17.736	15.656	780	556
7	Tuyên Quang	0	0	17.283	8.497	40	0
8	Thái Nguyên	0	0	7.275	4.088	0	0
9	Bắc Kạn	190	190	6.438	6.438	1.080	1.080
10	Cao Bằng	2.974	2.960	6.898	6.178	2.126	1.594
11	Lạng Sơn	0	0	6.536	3.928	0	0
12	Quảng Ninh	0	0	4.387	4.025	0	0
13	Hoà Bình	3.859	3.859	8.709	8.709	48	48
14	Bắc Ninh	159	142	2.965	1.069	297	252
15	Bắc Giang	0	0	3.596	3.596	0	0
16	Phú Thọ	0	0	3.326	3.326	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	0	55	45	0	0
18	Hà Nội	0	0	2.986	2.986	0	0
19	Hải Dương	71	44	2.449	988	360	347
20	Hưng Yên	0	0	1.311	920	0	0
21	Hải Phòng	1	0	195	1	0	0
22	Thái Bình	6	6	754	708	275	275
23	Hà Nam	23	9	673	65	9	9
24	Nam Định	367	251	3.719	2.503	0	0
25	Ninh Bình	0	0	3.485	1.469	0	0
26	Thanh Hoá	3.400	3.326	15.910	8.434	1.408	1.452
27	Nghệ An	5.265	2.600	23.445	15.039	1.161	871
28	Hà Tĩnh	3.338	3.172	12.959	12.472	5.400	5.262
29	Quảng Bình	3.720	3.136	11.112	8.900	11.161	10.204
30	Quảng Trị	2.645	2.619	10.429	10.314	7.215	7.215
31	Thừa T Huế	1.792	1.228	4.968	2.141	4.769	2.908
32	TP Đà Nẵng	216	141	2.923	857	0	0
33	Quảng Nam	6.894	5.761	20.630	12.204	6.293	4.563
34	Quảng Ngãi	6.474	4.325	20.259	19.278	6.482	5.858
35	Bình Định	385	357	17.272	15.486	11.094	10.309
36	Phú Yên	21.263	18.766	13.268	9.023	4.150	3.563
37	Khánh Hoà	6.365	4.274	8.761	4.013	4.403	2.856

TT	Tỉnh	Que thử	sốt	Lam phát hiện	sốt	Lam và tét	sốt
38	Ninh Thuận	1.854	1.844	20.611	11.425	7.406	6.569
39	Bình Thuận	736	626	26.199	18.139	17.160	15.218
40	Gia Lai	23.049	19.694	31.253	19.443	13.446	11.749
41	Kon Tum	12.937	12.932	8.930	8.885	3.728	3.729
42	Đắk Lắk	23.099	23.367	48.012	49.701	18.115	18.623
43	Đắk Nông	10.923	8.676	15.588	6.676	5.645	4.404
44	Lâm Đồng	2.518	2.242	49.802	33.700	11.366	9.681
45	Đồng Nai	5.172	2.985	10.573	4.425	637	348
46	Bình Dương	6.865	6.865	9.703	9.703	0	0
47	Bình Phước	20.695	18.504	29.222	26.637	7.888	7.703
48	Tây Ninh	1.241	1.057	6.043	4.115	846	792
49	Bà Rịa V Tàu	5.876	5.876	2.193	2.176	0	0
50	Hồ Chí Minh	129	34	1.415	38	264	10
51	Long An	2.336	1.838	4.454	4.233	127	104
52	Tiền Giang	0	0	1.704	932	9	9
53	Bến Tre	5	5	1.635	1.633	0	0
54	Đồng Tháp	40	40	3.383	3.383	0	0
55	An Giang	1.506	1.506	4.384	3.355	0	0
56	Vĩnh Long	0	0	2.580	2.548	0	0
57	Trà Vinh	0	0	2.325	706	0	0
58	Cần Thơ	0	0	2.191	1.114	0	0
59	Hậu Giang	0	0	3.349	101	0	0
60	Sóc Trăng	1.560	1.560	2.750	2.734	0	0
61	Kiên Giang	2.938	2.903	2.406	1.034	0	0
62	Bạc Liêu	295	67	2.141	98	79	28
63	Cà Mau	8.812	8.812	12.343	12.349	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>218.230</b>	<b>191.481</b>	<b>644.817</b>	<b>466.516</b>	<b>171.515</b>	<b>144.874</b>

**Phụ lục 7. Tình hình phát hiện ký sinh trùng sốt rét 12 tháng năm 2021**

TT	Tỉnh	Tổng Ký sinh trùng							
		KST	P.F	P.V	P.m	P.O	PH	Nam	Nữ
1	Lai Châu	101	0	101	0	0	0	54	47
2	Điện Biên	1	0	1	0	0	0	0	1
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Yên Bái	2	0	2	0	0	0	1	1
6	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lạng Sơn	1	0	1	0	0	0	1	0
12	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Hung Yên	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hà Tĩnh	3	3	0	0	0	0	3	0
29	Quảng Bình	4	1	3	0	0	0	4	0
30	Quảng Trị	1	1	0	0	0	0	0	1
31	Thừa Thiên Huế	0	0	0	0	0	0	0	0
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Quảng Nam	16	1	15	0	0	0	12	4
34	Quảng Ngãi	10	10	0	0	0	0	10	0
35	Bình Định	4	3	1	0	0	0	4	0
36	Phú Yên	43	34	9	0	0	0	39	4
37	Khánh Hoà	3	0	2	1	0	0	3	0
38	Ninh Thuận	1	0	1	0	0	0	1	0

TT	Tỉnh	Tổng Ký sinh trùng							
		KST	P.F	P.V	P.m	P.O	PH	Nam	Nữ
39	Bình Thuận	11	5	6	0	0	0	9	2
40	Gia Lai	197	134	63	0	0	0	160	37
41	Kon Tum	5	1	4	0	0	0	4	1
42	Đắk Lắk	12	4	8	0	0	0	11	1
43	Đắk Nông	9	1	8	0	0	0	7	2
44	Lâm Đồng	9	5	3	1	0	0	8	1
45	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Bình Dương	1	1	0	0	0	0	0	1
47	Bình Phước	33	2	30	0	0	1	28	5
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Bà Rịa Vũng Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>467</b>	<b>206</b>	<b>258</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>359</b>	<b>108</b>

**Phụ lục 8. Tình hình phát hiện ổ bệnh 12 tháng năm 2021**

TT	Tỉnh	KST <5	KST 5-15	KST sốt	KST lam	KST tết	KST lam, tết	BNSR nội trú	Nội địa	Ổ bệnh	
										Số lượng	KST
1	Lai Châu	6	29	101	2	0	99	0	101	11	20
2	Điện Biên	0	0	1	1	0	0	0	1	1	1
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Lào Cai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Yên Bái	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0
6	Hà Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Lạng Sơn	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0
12	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Bắc Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
16	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Hà Nội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Thái Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
24	Nam Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Ninh Bình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Nghệ An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Hà Tĩnh	0	0	3	0	0	3	0	0	1	1
29	Quảng Bình	1	1	4	0	0	4	0	3	3	4
30	Quảng Trị	0	0	1	1	0	0	1	1	1	1
31	Thừa T Huế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Quảng Nam	2	4	16	10	0	6	2	14	6	9
34	Quảng Ngãi	0	0	10	0	0	10	4	0	6	7
35	Bình Định	0	0	4	4	0	0	1	0	1	1
36	Phú Yên	0	2	43	2	0	41	31	34	15	25
37	Khánh Hoà	1	1	3	2	0	1	0	2	1	1

TT	Tỉnh	KST <5	KST 5-15	KST sốt	KST lam	KST tét	KST lam, tét	BNSR nội trú	Nội địa	Ổ bệnh	
										Số lượng	KST
38	Ninh Thuận	0	0	1	0	0	1	3	4	2	1
39	Bình Thuận	0	0	11	0	0	11	1	8	6	6
40	Gia Lai	4	29	197	3	18	176	13	196	103	196
41	Kon Tum	0	0	5	0	0	5	5	5	5	5
42	Đắk Lắk	0	0	12	2	0	7	5	5	3	4
43	Đắk Nông	0	0	9	3	0	6	6	8	4	5
44	Lâm Đồng	0	0	9	3	0	6	2	2	2	2
45	Đồng Nai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
46	Bình Dương	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0
47	Bình Phước	0	2	33	1	0	32	2	28	8	15
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
49	Bà Rịa V Tàu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
53	Bến Tre	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
55	An Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
57	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
61	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
63	Cà Mau	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>14</b>	<b>68</b>	<b>467</b>	<b>38</b>	<b>18</b>	<b>408</b>	<b>77</b>	<b>412</b>	<b>179</b>	<b>304</b>

**Phụ lục 9. Công tác tuyên truyền 12 tháng năm 2021**

TT	Tỉnh	Nói chuyện, phát thanh, TLN		Thăm hộ gia đình	
		Số lần	Số người	Số lần	Số người
1	Lai Châu	1.003	24.884	1.171	4.928
2	Điện Biên	2.686	43.297	6.585	23.706
3	Sơn La	27.830	1.034.780	5.637	11.354
4	Lào Cai	3.255	383.338	11.833	39.309
5	Yên Bái	2.899	256.791	1.800	6.892
6	Hà Giang	8.036	406.543	5.885	36.455
7	Tuyên Quang	5.960	853.889	3.719	19.279
8	Thái Nguyên	8.598	1.570.619	755	4.039
9	Bắc Kạn	2.693	104.971	5.903	21.760
10	Cao Bằng	2.485	38.101	5.975	18.968
11	Lạng Sơn	8.334	296.700	3.636	10.275
12	Quảng Ninh	9.978	4.413.129	12.319	34.425
13	Hoà Bình	6.070	99.112.974	5.822	21.641
14	Bắc Ninh	2.529	2.301.742	498	2.240
15	Bắc Giang	3.919	2.686.220	691	1.676
16	Phú Thọ	7.010	12.529.281	1.681	7.357
17	Vĩnh Phúc	135	68.049	30	126
18	Hà Nội	3.719	16.828.314	1.125	4.936
19	Hải Dương	16.764	25.048.526	689	1.856
20	Hưng Yên	3.108	7.361.298	706	1.166
21	Hải Phòng	469.548	3.575.905	3.468	9.345
22	Thái Bình	1.046	15.632.300	2.217	3.824
23	Hà Nam	10.280	3.538.988	3.109	13.592
24	Nam Định	6.506	8.770.099	1.865	19.395
25	Ninh Bình	3.730	1.880.382	2.017	6.773
26	Thanh Hoá	17.640	14.461.978	19.207	73.478
27	Nghệ An	18.140	24.698.811	14.500	131.519
28	Hà Tĩnh	1.627	966.992	2.758	11.646
29	Quảng Bình	9.901	3.480.410	28.596	160.058
30	Quảng Trị	3.426	776.837	9.360	37.885
31	Thừa T Huế	3.640	3.745.276	14.374	33.793
32	TP Đà Nẵng	179	41.719	16	335
33	Quảng Nam	7.964	1.727.471	9.420	35.105
34	Quảng Ngãi	4.092	925.520	12.866	44.214
35	Bình Định	11.277	27.377.203	46.826	109.418
36	Phú Yên	2.958	3.723.573	22.857	90.504
37	Khánh Hoà	26.834	4.416.964	171.553	57.475



TT	Tỉnh	Nói chuyện, phát thanh, TLN		Thăm hộ gia đình	
		Số lần	Số người	Số lần	Số người
38	Ninh Thuận	4.827	2.687.529	10.237	58.920
39	Bình Thuận	10.397	5.608.483	19.185	65.065
40	Gia Lai	7.243	1.410.869	24.751	491.723
41	Kon Tum	4.924	386.387	24.687	67.591
42	Đắk Lắk	11.144	10.121.622	134.990	532.953
43	Đắk Nông	5.239	2.319.606	35.710	111.592
44	Lâm Đồng	8.892	674.600	71.325	241.322
45	Đồng Nai	354	460.612	124	509
46	Bình Dương	3.784	6.014.336	5.302	19.472
47	Bình Phước	14.861	2.198.875	57.678	337.247
48	Tây Ninh	3.863	2.446.588	1.575	7.143
49	Bà Rịa V Tàu	360	3.000.000	-	-
50	Hồ Chí Minh	646	310.981	418	497
51	Long An	4.767	11.941.362	1.830	2.675
52	Tiền Giang	9.817	2.205.894	46	119
53	Bến Tre	5.732	4.741.447	133	221
54	Đồng Tháp	3.037	5.080.224	-	-
55	An Giang	3.698	756.456	681	1.020
56	Vĩnh Long	868	1.685.095	380	586
57	Trà Vinh	1.493	254.227	751	2.303
58	Cần Thơ	20.203	2.615.494	863	2.163
59	Hậu Giang	634	48.265	1.155	1.742
60	Sóc Trăng	357	872	230	1.717
61	Kiên Giang	298	12.969	2.145	3.128
62	Bạc Liêu	517	163.566	459	7.188
63	Cà Mau	3.955	329.005	410	10.122
	<b>Cộng</b>	<b>857.709</b>	<b>362.579.238</b>	<b>836.534</b>	<b>3.077.765</b>

**Phụ lục 10. Công tác giám sát các hoạt động phòng chống sốt rét**

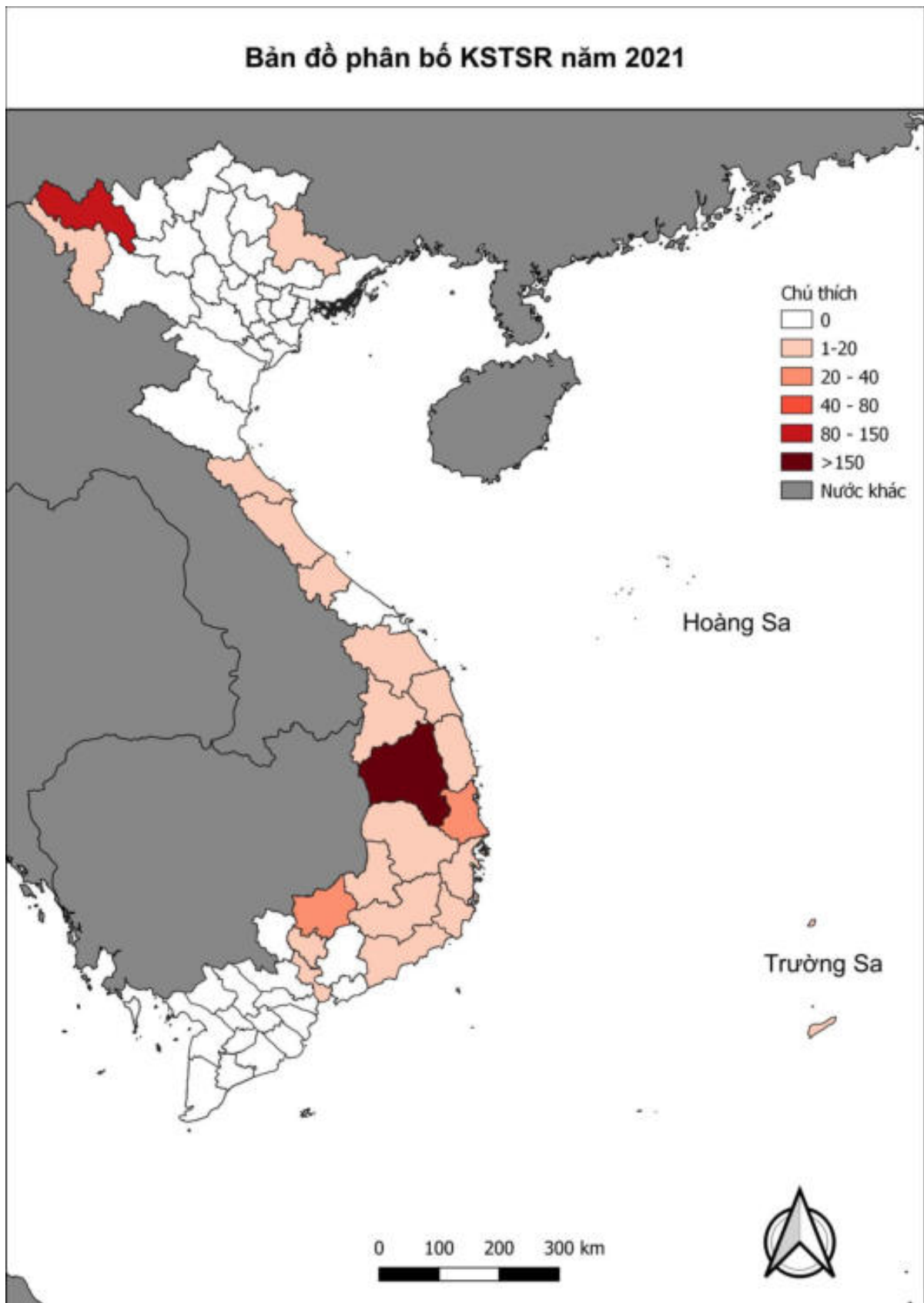
TT	Tỉnh	Giám sát dịch tễ		Giám sát côn trùng		GS điều trị và thuốc		GS kinh phí, vật tư	
		Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm
1	Lai Châu	229	207	31	34	213	223	49	120
2	Điện Biên	256	517	38	199	273	477	275	501
3	Sơn La	99	122	60	76	44	53	30	43
4	Lào Cai	566	538	1	17	434	416	92	124
5	Yên Bái	243	517	96	145	159	385	161	311
6	Hà Giang	149	246	80	91	33	56	4	5
7	Tuyên Quang	402	450	-	-	347	367	61	61
8	Thái Nguyên	40	40	50	35	24	24	17	17
9	Bắc Kạn	164	164	46	46	109	109	126	126
10	Cao Bằng	244	243	19	19	105	109	66	66
11	Lạng Sơn	390	396	14	14	73	73	-	-
12	Quảng Ninh	116	159	106	141	83	118	88	123
13	Hoà Bình	826	796	336	337	674	664	350	340
14	Bắc Ninh	133	149	149	160	109	123	84	88
15	Bắc Giang	105	105	-	-	-	-	-	-
16	Phú Thọ	226	226	196	196	231	231	186	186
17	Vĩnh Phúc	22	24	30	30	20	20	20	20
18	Hà Nội	296	289	6	6	26	26	2	2
19	Hải Dương	58	57	61	62	56	49	20	20
20	Hưng Yên	85	94	127	127	56	56	38	38
21	Hải Phòng	63	101	148	283	25	34	15	25
22	Thái Bình	249	251	115	117	247	249	227	229
23	Hà Nam	82	305	205	528	18	23	19	22
24	Nam Định	126	265	12	21	48	65	60	72
25	Ninh Bình	3	13	102	56	-	-	-	-
26	Thanh Hoá	403	826	247	387	245	365	205	278
27	Nghệ An	744	803	26	63	48	48	12	15
28	Hà Tĩnh	115	121	121	124	77	79	26	27
29	Quảng Bình	311	321	305	314	306	298	299	314
30	Quảng Trị	216	370	27	70	120	146	185	224
31	Thừa T Huế	206	240	207	223	213	259	280	250
32	TP Đà Nẵng	10	14	5	9	4	9	6	23
33	Quảng Nam	62	174	59	116	43	97	34	100
34	Quảng Ngãi	101	101	69	96	51	59	43	43
35	Bình Định	584	584	397	397	469	469	463	463
36	Phú Yên	166	306.311	338	6.003	3.893	14.628	114	278

TT	Tỉnh	Giám sát dịch tễ		Giám sát côn trùng		GS điều trị và thuốc		GS kinh phí, vật tư	
		Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm	Số lượt	Số điểm
37	Khánh Hoà	245	253	73	59	43	40	70	70
38	Ninh Thuận	56	79	4	4	23	81	13	67
39	Bình Thuận	86	166	49	129	150	230	125	200
40	Gia Lai	45	49	-	-	116	135	37	46
41	Kon Tum	131	206	85	146	248	335	106	170
42	Đắk Lắk	266	403	60	67	476	656	495	700
43	Đắk Nông	31	46	18	61	47	60	55	66
44	Lâm Đồng	30	55	24	24	16	31	22	40
45	Đồng Nai	21	24	35	42	3	3	-	-
46	Bình Dương	255	483	-	-	255	483	255	483
47	Bình Phước	2	5	4	8	-	-	5	5
48	Tây Ninh	69	74	-	-	48	48	48	48
49	Bà Rịa V Tàu	12	12	10	10	12	12	12	12
50	Hồ Chí Minh	83	83	39	40	8	8	16	16
51	Long An	36	42	-	-	-	-	-	-
52	Tiền Giang	15	17	-	-	2	8	-	-
53	Bến Tre	163	177	23	27	126	133	8	8
54	Đồng Tháp	432	436	13	13	13	13	442	430
55	An Giang	15	15	1	1	-	-	-	-
56	Vĩnh Long	14	14	28	28	14	14	14	14
57	Trà Vinh	26	27	-	-	-	-	9	9
58	Cần Thơ	21	22	29	30	4	4	20	20
59	Hậu Giang	3	3	40	40	7	7	-	-
60	Sóc Trăng	-	-	22	22	-	-	-	29
61	Kiên Giang	3	3	3	3	5	5	-	-
62	Bạc Liêu	14	23	19	32	2	11	3	12
63	Cà Mau	65	68	71	69	58	61	41	44
	<b>Cộng</b>	<b>10.229</b>	<b>318.924</b>	<b>4.479</b>	<b>11.397</b>	<b>10.552</b>	<b>22.785</b>	<b>5.453</b>	<b>7.043</b>

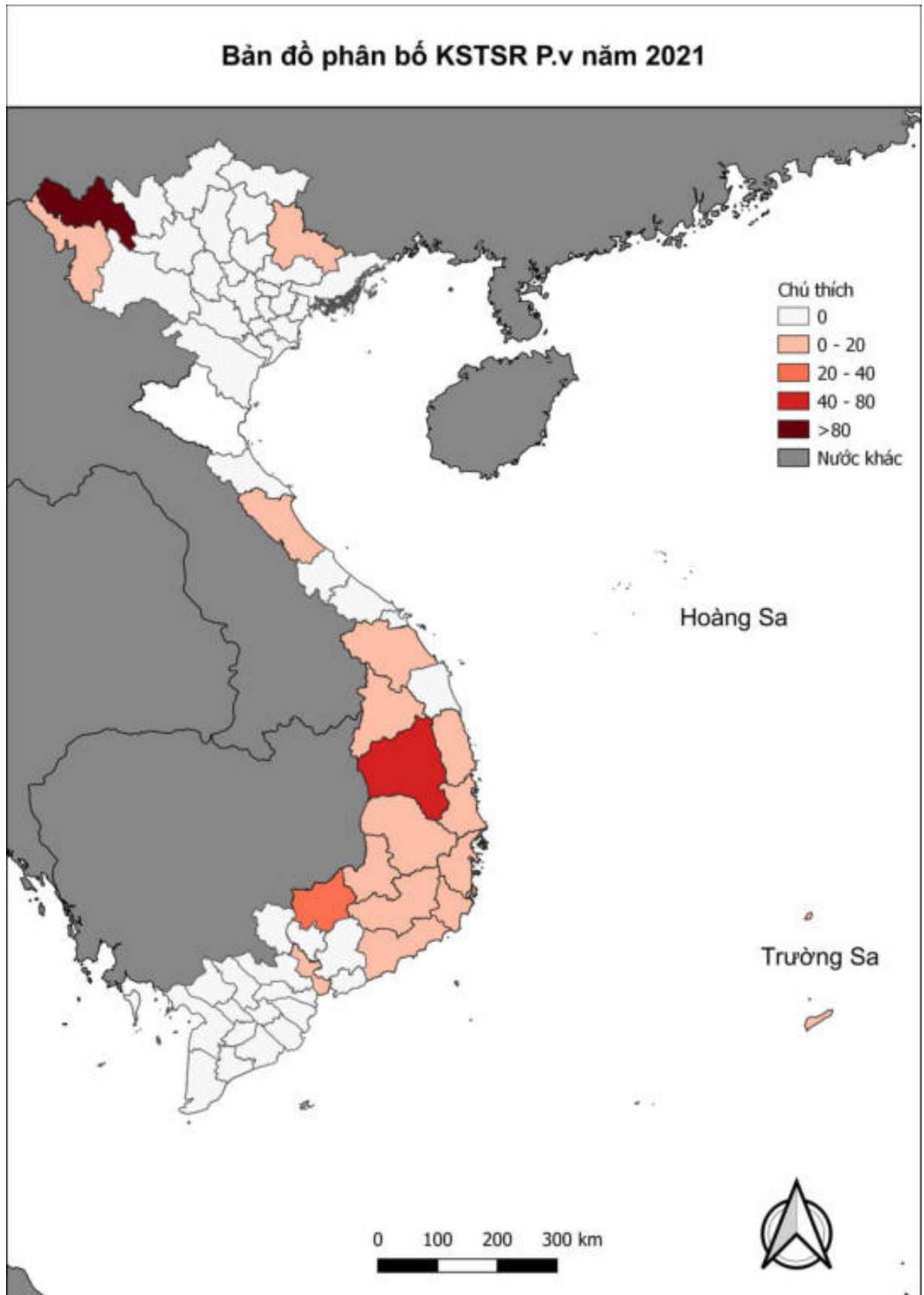
**Phụ lục 11. Tình hình phun tẩm hóa chất 12 tháng năm 2021**

TT	Tỉnh	Phun tồn lưu		Tẩm màn			Phối hợp cả phun và tẩm		Tổng DSBV
		DSBV	Lượng HC	DSBV	Lượng HC	Số màn	DSBV	Lượng HC	
1	Lai Châu	41.520	250	8.026	15				49.546
2	Điện Biên	3.000	22	21.330	43	10.333	0	0	24.330
3	Sơn La	0	0	0	0	0	0	0	-
4	Lào Cai								-
5	Yên Bái	1.630	12	0	0	0			1.630
6	Hà Giang	11.99	83	8.177	14	3.390			19.276
7	Tuyên Quang	1.622	12	0	0	0	0	0	1.622
8	Thái Nguyên	3.150	29	7.492	42	3.399			10.642
9	Bắc Kạn	0	0	0	0	0	0	0	-
10	Cao Bằng	19.398	212						19.398
11	Lạng Sơn	1.600	12						1.600
12	Quảng Ninh	2.025	15	0	0	0	0	0	2.025
13	Hoà Bình	0	0	0	0	0	0	0	-
14	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	0	-
15	Bắc Giang	1.600	12	0	0	0			1.600
16	Phú Thọ	4.933	37	5.238	11	2.619			10.171
17	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0			-
18	Hà Nội	0	0	0	0	0			-
19	Hải Dương	0	0	0	0	0	0	0	-
20	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	-
21	Hải Phòng	0	0	0	0	0	0	0	-
22	Thái Bình	0	0	0	0	0			-
23	Hà Nam	0	0	0	0	0	0	0	-
24	Nam Định	0	0	0	0	0			-
25	Ninh Bình	3.000	12	3.841	14	2.134	0	0	6.841
26	Thanh Hoá	0	0	0	0	0			-
27	Nghệ An								-
28	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0			-
29	Quảng Bình	0	0	0	0	0	0	0	-
30	Quảng Trị	8207	19	2.843	5	1.187			11.050
31	Thừa T Huế	0	0	6.510	15	2.960			6.510
32	TP Đà Nẵng	0	0	0	0	0			-
33	Quảng Nam	30.181	114	0	0	0			30.181
34	Quảng Ngãi	4.098	23	16.029	34	6.982			20.127
35	Bình Định	0	0	40.333	105	24.622			40.333

TT	Tỉnh	Phun tồn lưu		Tầm màn			Phối hợp cả phun và tầm		Tổng DSBV
		DSBV	Lượng HC	DSBV	Lượng HC	Số màn	DSBV	Lượng HC	
36	Phú Yên	10.917	38	0	0	0	0	0	10.917
37	Khánh Hoà	5.518	33	65.048	115	32.364	0	0	70.566
38	Ninh Thuận	0	0	0	0	0			-
39	Bình Thuận	8.309	41	83.783	261	61.184			92.092
40	Gia Lai	0	0	0	0	0	0	0	-
41	Kon Tum	0	0	0	0	0			-
42	Đắk Lắk	41.516	244	53.811	122	26.235	0	0	95.327
43	Đắk Nông	12.818	58	13.813	24	7.114	4.600	33	31.231
44	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0	0	-
45	Đồng Nai	3.236	47	36.213	81	19.142			39.449
46	Bình Dương	3.939	0	0	0	0	4.100	0	8.039
47	Bình Phước	27.741	166	22.333	47	10.851	0	0	50.074
48	Tây Ninh	0	0	0	0	0			-
49	Bà Rịa V Tàu	0	0	34.481	34	29.987	0	0	34.481
50	Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	0	0	-
51	Long An	0	0	0	0	0	0	0	-
52	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	0	-
53	Bến Tre	0	0	0	0	0			-
54	Đồng Tháp	0	0	0	0	0			-
55	An Giang	0	0	0	0	0			-
56	Vĩnh Long	0	0	0	0	0	0	0	-
57	Trà Vinh	2.540	33	0	0	0			2.540
58	Cần Thơ	0	0	0	0	0			-
59	Hậu Giang	0	0	0	0	0			-
60	Sóc Trăng	0	0	0	0	0			-
61	Kiên Giang	0	0	19.867	0	0			19.867
62	Bạc Liêu	0	0	0	0	0	0	0	-
63	Cà Mau	0	0	0	0	0			-
	<b>Cộng</b>	<b>253.597</b>	<b>1.524</b>	<b>449.168</b>	<b>982</b>	<b>244.503</b>	<b>8.700</b>	<b>33</b>	<b>711.465</b>

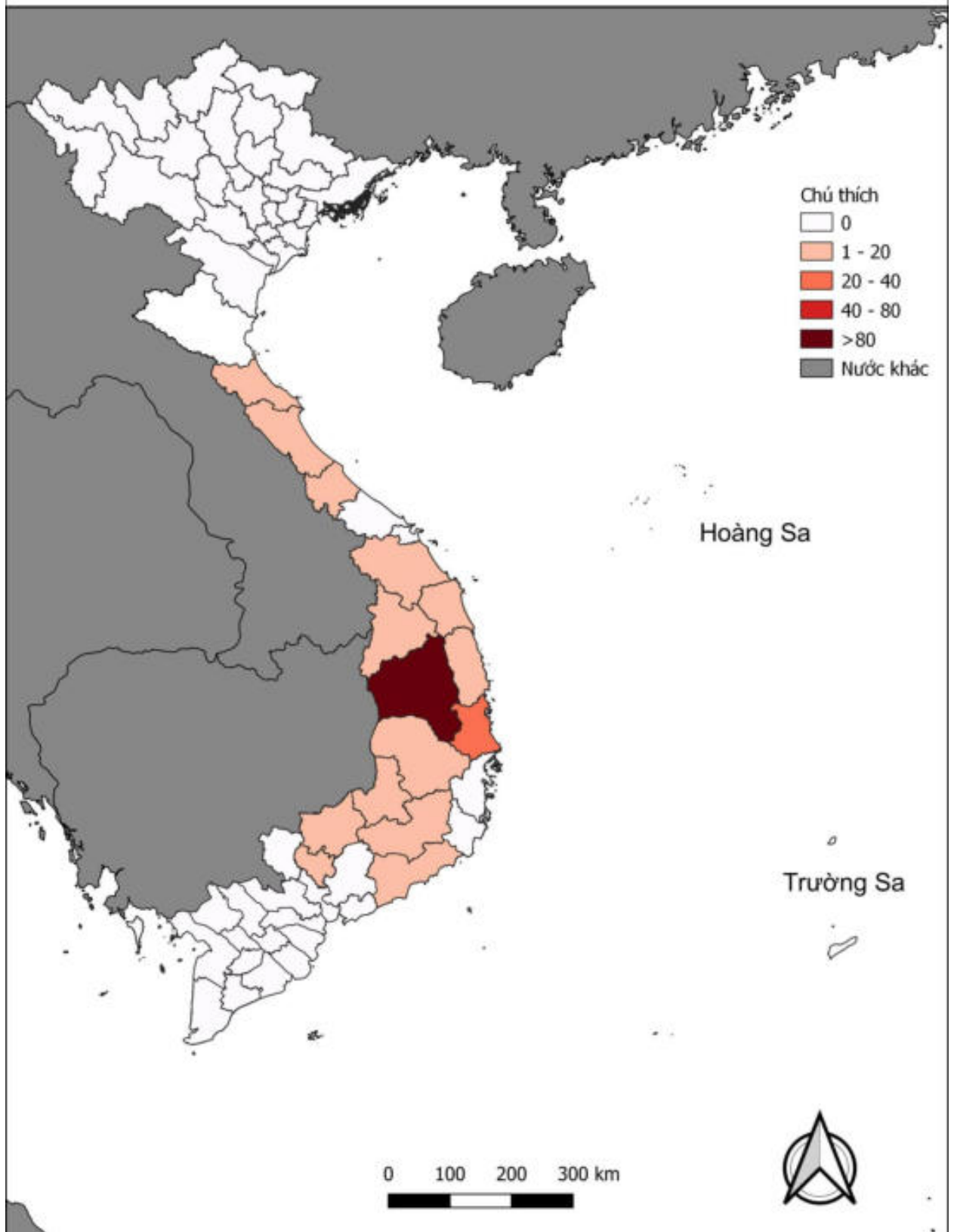


**Hình 2. Bản đồ phân bố ký sinh trùng sốt rét toàn quốc năm 2021**



**Hình 3. Bản đồ phân bố *P. vivax* toàn quốc năm 2021**

### Bản đồ phân bố KSTSR P.f năm 2021



Hình 4. Bản đồ phân bố *P. falciparum* toàn quốc năm 2021